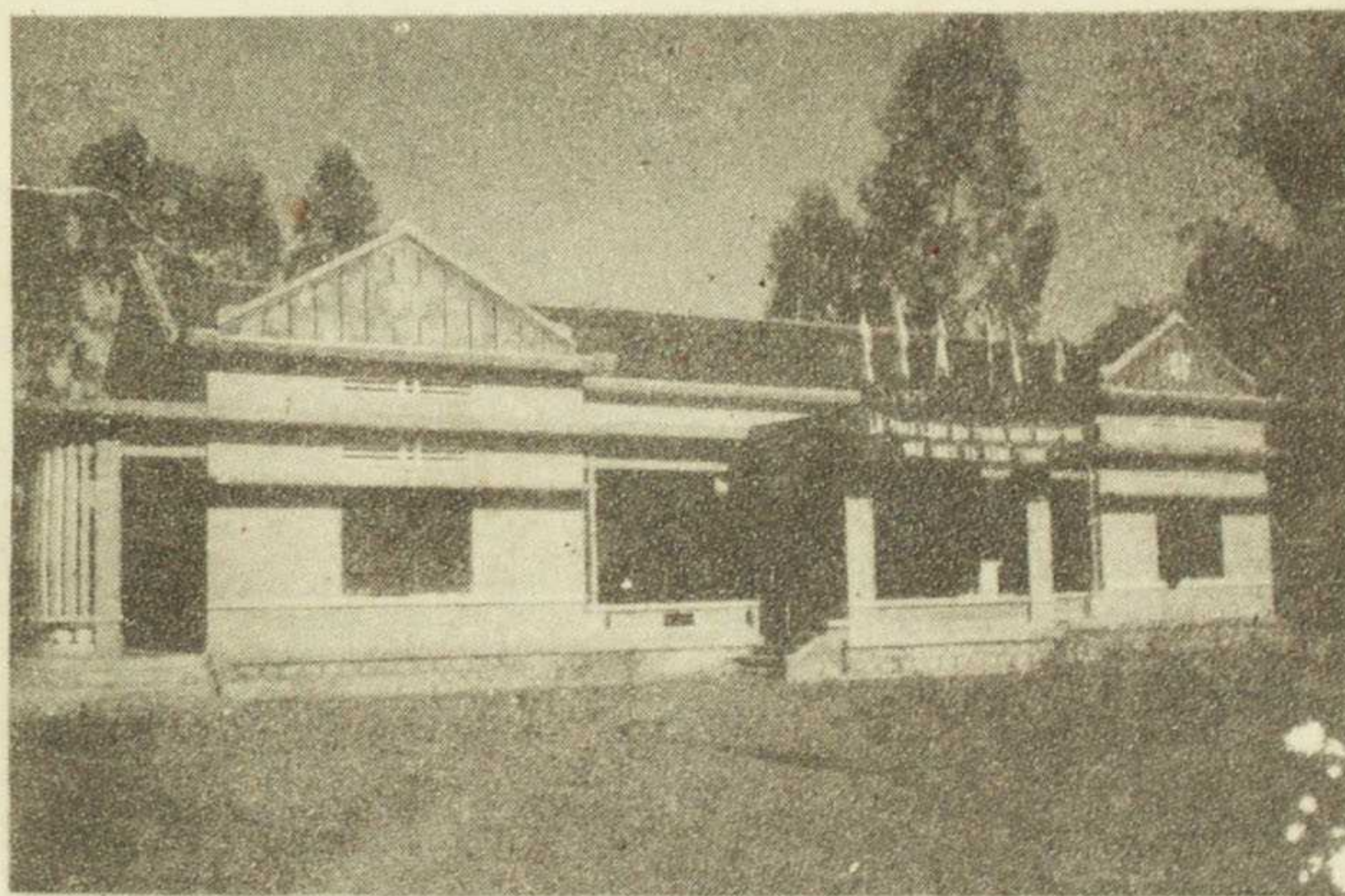


BAN XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG
XÃ HÀNH THỊNH

HÀNH THỊNH

mảnh đất kiên cường

(sơ thảo truyền thống)



ĐẢNG ỦY - HĐND - UBND - UBMTTQVN
XÃ HÀNH THỊNH ● 1995

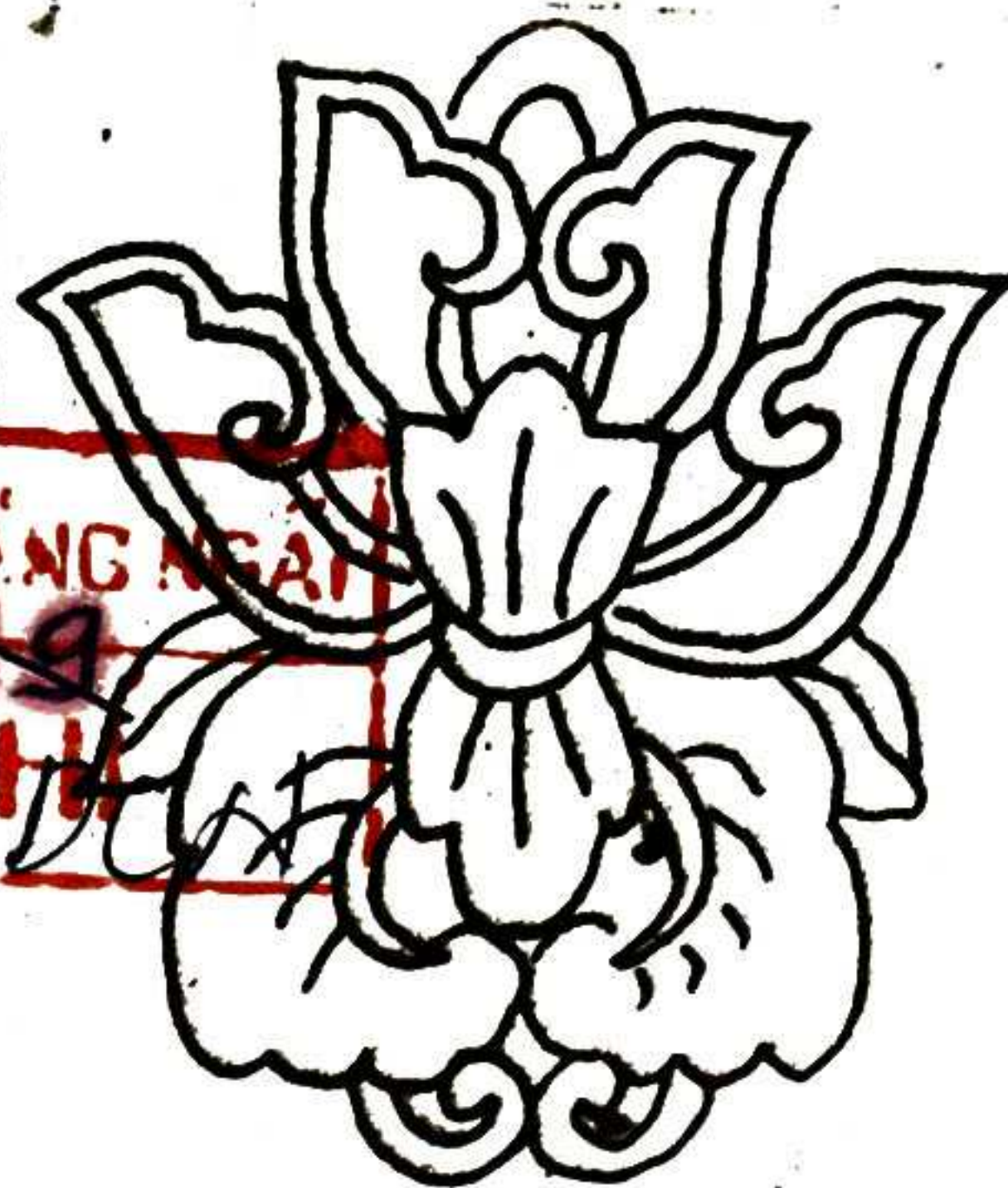
959.753

H 107 TH

BAN XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG
XÃ HÀNH THỊNH

Hành Thịnh mảnh đất kiên cường

(Sơ thảo truyền thống)



THƯ VIỆN T. QUẢNG NGÃI
VN/99 529
ĐỊA CHỈ

ĐẢNG ỦY, HĐND - UBND - UBMTTQVN
XÃ HÀNH THỊNH ● 1995

THƯ VIỆN : QUẢNG NGÃI
113
ĐỊA CHỈ





BÁC HỒ VÀ THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG
Ảnh lưu niệm do Cố vấn Phạm Văn Đồng gửi
tặng nhà truyền thống xã Hành Thịnh tháng
5-1994.

Phạm Văn Đồng

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình đấu tranh lâu dài gian khổ để sinh tồn của mình, mỗi vùng quê đều hình thành nên những truyền thống mà mỗi con người ở đó đều có thể lấy làm tự hào. Đó là những di sản tinh thần vô giá, có thể thúc đẩy mỗi người tự vượt mình, đem lại niềm vinh quang cho bản thân, gia đình và xã hội.

Điều này càng có ý nghĩa đối với Hành Thịnh, một mảnh đất chưa giàu nhưng hùng vĩ, thơ mộng, con người thuần phác, có quá trình đấu tranh chống ngoại xâm rất đậm nét, đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (ngày 6.11.1978)

Để mỗi người dân Hành Thịnh, nhất là thế hệ trẻ, có điều kiện tìm hiểu, kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu ấy của quê hương, đồng thời cũng để những người hằng quan tâm và yêu mến Hành Thịnh có dịp tiếp cận, được sự chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Hành Thịnh chủ trương xây dựng truyền thống xã, trong đó có việc biên soạn quyển sách này. Nội dung tập sách HÀNH THỊNH - MẢNH ĐẤT KIÊN CƯỜNG sẽ tập trung đề cập vào cuộc đấu tranh chống phong kiến đế quốc từ ngày có Đảng đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1930-1975), thời gian trải dài gần nửa thế kỷ. Bố cục tập sách dựa theo trình tự thời gian, được đánh dấu bằng những cái mốc quan trọng trong lịch sử. Tinh thần biên soạn sách là hết sức tôn trọng sự thực khách quan và chỉ dừng lại ở những bối cảnh chung mà không quá đi sâu vào từng nhân vật, từng chi tiết.

Chủ trương biên soạn tập sách đã được sự hưởng ứng, đóng góp đầy nhiệt tình của cán bộ và nhân dân trong xã, nhất là những người từng gắn bó mật thiết với phong trào cách mạng của quê

hương, qua các thời kỳ, như các ông Huỳnh Dực, Huỳnh Kính, Trần Quang Toàn, Nguyễn Liên Hồng, Trần Văn Thân, Lê Viết Lý, Trần A, Trần Xuân Huy, Nguyễn Hậu, Trần Bảo Phát, Trần Văn Tuấn, Đinh Tiến Lộc, Nguyễn Kiền, bà Nguyễn Thị Lệ Thuyền v.v... và nhiều người khác mà chúng tôi không thể kể hết, nhất là qua các lần hội thảo. Điều này đã phản ánh một sự thật rất đáng yêu là, nhân dân Hành Thịnh hết sức quý trọng truyền thống của quê hương, bởi lẽ truyền thống đó rất nổi bật, phong phú mà khuôn khổ một tập sách nhỏ chỉ có thể đề cập những điều chính yếu nhất.

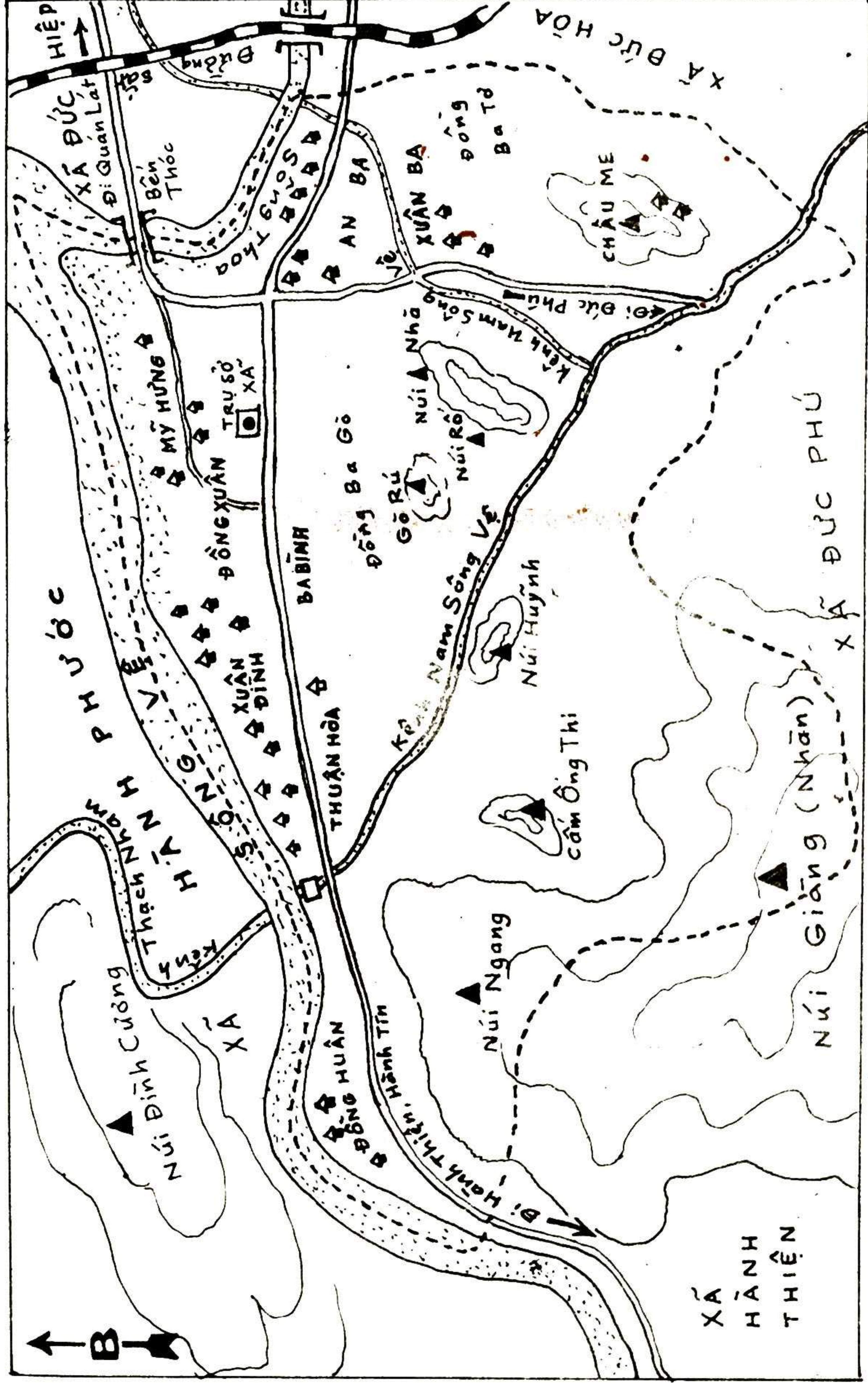
Tuy vậy, trong quá trình biên soạn tập sách, chúng tôi đã vấp phải những khó khăn không dễ khắc phục. Đó là thời gian lịch sử dài, cách nay đã khá lâu, lại không còn nhiều văn bản ghi chép hoặc lưu giữ được. Trong quá trình biên soạn chúng tôi đã cố gắng sưu tầm, đối chiếu giữa ký ức với ký ức, giữa ký ức với sách vở để hạn chế đến mức thấp nhất những thiếu sót. Tất nhiên, trong một hoàn cảnh mà các cán bộ lão thành nhiều người đã qua đời, nhiều người còn sống lại đang ở xa, chỉ dựa chủ yếu vào những người đang ở quê hương, nên thiếu sót là không sao tránh khỏi. Chúng tôi rất mong tiếp tục được sự góp ý, chỉ bảo chân tình của các đơn vị, địa phương và cá nhân để tập sách truyền thống này ngày thêm hoàn chỉnh.

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Hành Thịnh (30.5.1965 - 30.5.1995) và 20 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, 105 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 50 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 năm nay, chúng tôi xin gửi đến bạn đọc tập sách này và rất mong nó sẽ là món quà quý báu, hữu ích.

Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở VH-TT tỉnh, các cơ quan, đơn vị ở huyện đã hết lòng chỉ đạo, giúp đỡ chúng tôi hoàn thành tập sách.

Hành Thịnh tháng 1 năm 1995
ĐẢNG ỦY-HĐND-UBND-UBMTTQVN
XÃ HÀNH THỊNH

BẢN ĐỒ XÃ HÀNH THỊNH



PHẦN 1
HÀNH THỊNH MẢNH ĐẤT
KIÊN CƯỜNG
(1930-1975)



SÔNG VỆ NHÌN TỪ TRÊN ĐÈO QUÁN THƠM



NÚI GIÀNG (NÚI NHÀN)

I- ĐẤT VÀ NGƯỜI HÀNH THỊNH

Xã Hành Thịnh nằm ở phía đông nam huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, bắc giáp xã Hành Phước (ở sông Vệ), tây giáp xã Hành Thiện (ở đèo Quán Thơm), nam giáp xã Đức Phú (huyện Mộ Đức), đông giáp xã Đức Hòa và Đức Hiệp (ở sông Thoa). Hình thế đất trải dài từ phía tây (đèo Quán Thơm) xuống phía đông (An Ba) gần giáp đường sắt Xuyên Việt là một dải đồng bằng, phía tây xã lác đác có những ngọn đồi nhỏ như núi Đuôi Chuột, núi Rổ, núi Nhà, Gò Rú, núi Châu Me, đặc biệt có núi Giàng (Nhàn) cao ngất, như một tấm bình phong án ngữ phía tây nam, lại có thể thấy hình dáng núi Đình Cương phía tây bắc (nằm sâu trong địa phận xã Hành Phước) khiến có cảm giác như Hành Thịnh bị núi đồi bao bọc. Hiện nay toàn xã có 09 thôn, theo thứ tự từ tây sang đông là các thôn: Thuận Hòa, Hòa Huân, Xuân Đình, Ba Bình, Đồng Xuân, Mỹ Hưng, An Ba, hai thôn nằm gần chệch về phía đông nam là Xuân Ba, (Xuân Phú-Ba Tư), Châu Me, với diện tích tự nhiên 23 km² (hơn 1/3 là diện tích canh tác) và dân số 8.500 người.

Dấu tích ngôi tháp Chăm cổ đổ nát ở khu vực trung tâm xã cho thấy đất Hành Thịnh đã được khai phá từ hàng ngàn năm (1).

(1) Theo GS. khảo cổ học Lương Ninh thì đa số các tháp Chăm Quảng Ngãi đều dựng cách đây hàng ngàn năm.

Người Hành Thịnh có gốc gác từ miền Bắc, đa số là dân Thanh-Nghệ, trong đó có nhiều người là nghĩa binh và lãnh đạo của họ, vào đây sinh cơ lập nghiệp, xây dựng làng xã.

Trải qua nhiều thay đổi về hành chánh, đến năm Duy Tân thứ 12 (1918), vùng đất này thuộc tổng Hành Cận, một trong ba tổng của huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi ⁽¹⁾, gồm nhiều xã, ấp (tương đương đơn vị thôn hiện nay).

Từ sau cách mạng Tháng Tám 1945 đến 1950, các đơn vị hành chính phía tây là Mỹ Hưng, Đông Xuân, Ba Bình, Xuân Đình, Thuận Phong, Hòa Huân hợp chung thành xã Hành Tân; các đơn vị hành chính phía đông là Châu Me, Xuân Phú, Ba Tư, An Ba hợp chung thành xã Hành Trung. Từ năm 1950, hai xã Hành Trung và Hành Tân nhập lại thành xã Hành Thịnh với địa giới như ngày nay.

Với địa thế là cửa ngõ từ Ba Tư xuyên qua thung lũng Hành Tín, Hành Thiện, mặt trước có núi Giàng (tức núi Nhàn) và nhiều đồi núi tiếp giáp dãy Trường Sơn trùng điệp ở phía tây, mặt sau có sông Vệ chạy dọc ở phía bắc, sông Thoa bọc lại phía đông bắc, Hành Thịnh vừa có những khó khăn về giao thông liên lạc, lại vừa hình thành một vị trí chiến lược khá đặc biệt. Các triều đại phong kiến trước kia

(1) Hai tổng kia là tổng Hành Thượng, tổng Hành Trung.

đã đóng đồn trại ở một ngọn đồi phía tây xã (dấu tích này dân địa phương thường gọi là Gò Đồn) cũng vì lẽ đó.

Trục giao thông chính là con đường chạy dọc từ đông sang tây xã. Con đường này nối với con đường chính của xã Đức Hiệp ở phía đông bắc (qua đập Bến Thóc) để cuối cùng thông với Quốc lộ 1A ở ngã ba Quán Lát, khoảng cách chỉ vài ba km. Về phía tây, con đường này tiếp tục chạy dọc bờ nam sông Vệ qua các xã Hành Thiện, Hành Tín (gần như một thung lũng được bao bọc bởi núi non hiểm trở) thông với Quốc lộ 24 từ Mộ Đức đi Ba Tơ và Kon Tum, nối liền với vùng núi rừng rậm rạp tây nam tỉnh, địa bàn chiến lược quan trọng suốt chiều dài lịch sử. Trong phạm vi xã Hành Thịnh thì trục lộ này gần chạy song song với Sông Vệ, vô hình trung cắt dọc xã thành hai mảng: mảng từ đường đến sông chủ yếu là làng xóm và đất nà, đất bãi; mảng từ đường đến chân các đồi núi là đồng ruộng. Về phía đông, con đường này còn thông với xã Đức Hòa, giáp Quốc lộ 1A ở Thi Phổ. Phần cực đông của xã Hành Thịnh (An Ba) chỉ cách đường sắt Xuyên Việt vài trăm mét.

Phía đông xã Hành Thịnh còn có một con đường chạy theo hướng bắc-nam, xuyên qua các thôn Mỹ Hưng, An Ba, Xuân Ba, Châu Me, thông với con đường chính của xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tiếp giáp với Quốc lộ 1A ở Đồng Cát (huyện lỵ Mộ Đức).

Ở mặt bắc, sông Vệ rộng, không có cầu. Xưa nay Hành Thịnh thông qua Hành Phước hoặc Hành Thiện để về huyện lỵ Nghĩa Hành bằng đò Ba Bình - An Chỉ và Hòa Huân - Phú Lâm.

Sông Vệ bắc nguồn từ vùng núi rừng Ba Tư trùng điệp, vừa chia cắt các vùng đất, lại vừa là một con đường thủy có thể giao thông khá thuận tiện dọc theo các xã Hành Tín, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước, Đức Hiệp, Nghĩa Phương (thị trấn Sông Vệ) và ra tận cửa biển Cổ Lũy, phía đông tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Đây là đường giao thông bổ sung đầy ý nghĩa cho đường bộ vốn rất khó khăn thuở trước. Sông Vệ giúp cho giao thương xuôi - ngược dễ dàng nên ca dao xưa có câu:

Đò đưa Sông Vệ nghênh ngang

Bạn hàng nô nức sao chàng ngồi đây?

(Trong các cuộc kháng chiến, cũng như đường bộ lượn sát ở bờ nam, đường thủy sông Vệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tiếp tế, chuyên chở vũ khí cho cách mạng và ngăn cản bước tiến của quân địch. Theo đường thủy Sông Vệ có thể đi ngược đến tận Ba Tư, có thể xuôi thuyền đến tận cửa Cổ Lũy. Chi lưu của sông Vệ là sông Thoa cũng cho phép vận chuyển bằng thuyền xuyên qua vùng đất trung tâm huyện Mộ Đức đến tận cửa biển Mỹ Á, phía nam tỉnh Quảng Ngãi.

Về kinh tế, Hành Thịnh là một địa phương sống chủ yếu bằng nghề nông và một số nghề khác như tranh, củi, nghề cá, chăn tằm, mộc, rèn... Nằm dựa lưng vào Sông Vệ, phải chịu đựng nhiều lũ lụt; ngược lại, cũng nhờ đó, Hành Thịnh có nhiều cánh đồng khá màu mỡ, có phần thuận tiện hơn một số địa phương khác về thủy lợi. Trước năm 1945, dọc xã có 6 bờ xe nước ở các làng Mỹ Hưng, Đồng Xuân, Ba Bình, Xuân Đình, Thuận Phong, Hòa Huân. Tuy nhiên, mỗi bờ xe cũng chỉ tưới được chừng 20 - 20 mẫu ruộng, đại bộ phận ruộng đất còn lại phải dựa vào nước trời để cày cấy. Nhiều cánh đồng phải thường xuyên chịu cảnh khô hạn, trong khi một số đồng ruộng quanh năm chịu úng (Như La Bãng (*), Bàu Đan, Bàu Rố), ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng lương thực.

Để bù vào chỗ thiếu hụt lớn về lúa gạo, người dân Hành Thịnh xưa trồng phổ biến các loại cây lương thực khác như bắp, mì, lang, các loại cây thực phẩm như đậu, mía. Đậu phụng được trồng chủ yếu ở các chân đất cao và nà thổ. Đặc biệt cây đậu phụng ở Hòa Huân nổi tiếng thơm ngon như ca dao xưa có câu: *Củ lang Đồng Ngõ, Đỗ phụng Đồng Huân*. Thôn Thuận Phong làm nghề vận chuyển và đánh cá sông. Hòa Huân và một số cánh đồng cao còn trồng nhiều mía, dựng các lò ép đường thủ công. Vùng đất bãi ven sông ở An Ba, Mỹ Hưng, Đồng Xuân... thì trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Mặc dù

(*) Hoặc Sa Bãng.

rất cần cù, chịu thương chịu khó, một nắng hai sương, sự đói thiếu vẫn là mối lo hằng ngày của hầu hết nhân dân Hành Thịnh xưa.

Sự đói thiếu ấy còn là hệ quả của một quan hệ sở hữu ruộng đất bất hợp lý. Trong tổng số ruộng đất thì công điền và ruộng nhà chùa chiếm khoảng 20%, ruộng tư chiếm khoảng 80%. Tính riêng trong số ruộng tư thì địa chủ và phú nông (khoảng 30% dân số) chiếm tới 70% diện tích, trong khi dân cày (khoảng 70% dân số) chỉ sở hữu khoảng 20% ruộng đất, phải cày thuê cuốc mướn, hoặc lãnh canh ruộng đất của địa chủ, nên thường không đủ lúa đong, khá nhất cũng chỉ chia được từ 1/3 đến một nửa số hoa màu thu được. Số người sống bằng nghề nông trên ruộng đất của mình chiếm khoảng 45%; 55% số nông dân còn lại phải làm tá điền, làm thuê cho địa chủ, làm các nghề khác (*). Các giống lúa cũ năng suất lại rất thấp. Chế độ sưu thuế bòn rút nhân dân đến tận xương tủy, đẩy đa số nhân dân vào cảnh bần cùng. Chế độ cho vay nặng lãi của địa chủ cũng là hình thức bóc lột tàn tệ. Nhìn chung sinh hoạt kinh tế của nhân dân Hành Thịnh xưa chỉ nằm ở hạng trung bình, so với các làng quê khác thời ấy. Trong xã hầu hết là nhà tranh tre, vách đất, không có nhà ngói. Các nhà tương đối khá giả thường chỉ là nhà khung gỗ,

(*) Theo hồi ức của các ông Huỳnh Kính, Huỳnh Dực, Nguyễn Liên Hồng. Ông Huỳnh Kính còn cho biết, xóm Gò Rú có 8 hộ suốt 4, 5 đời chỉ làm thuê, ở mướn, có hộ vì quá nghèo đói đến chết tiết dòng.

một số nhà khung gỗ, mái ngói. Mãi đến sau Cách mạng Tháng Tám 1945 mới có được một ngôi nhà hai tầng, nhưng cũng rất đơn sơ.

Về sinh hoạt văn hóa - xã hội, trước 1945 toàn xã có 1 ngôi trường tranh tre ở An Ba. Trong thành phần dân số, còn phân biệt đối xử với “dân ngụ cư” và “dân chính xã”. Đa số dân Hành Thịnh xưa không theo tôn giáo nào mà chỉ duy trì truyền thống thờ cúng ông bà tổ tiên. Trước năm 1945, có một số ít người theo đạo Phật. Trong toàn xã có 3 ngôi chùa. Mỗi làng xưa đều có một ngôi đình làng. Ở Thuận Phong có đình Bà, ở Ba Bình có miếu Ba Lãng, ở Xuân Đình có Đình Trên, Đình Dưới... Hầu hết các đình và dinh đều có sắc vua ban. Các di tích nói trên gần như đã đổ nát hoàn toàn sau mấy chục năm chiến tranh.

Tệ mê tín dị đoan không phải không phổ biến. Lúc đau ốm thường thiếu thuốc men. Tỷ lệ tử vong trong sinh đẻ khá lớn. Dịch bệnh (nhất là dịch tả, dịch đậu mùa) trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với nhân dân. Các tập tục cũ trong cưới xin, ma chay cùng các “lệ làng” có phần nặng nề, phức tạp, cũng gây không ít phiền hà, ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt kinh tế và đời sống, khiến có người suốt đời không cưới được vợ.

Dưới ách thống trị hà khắc của thực dân phong kiến, những tập tục lạc hậu như trên có mảnh đất màu mỡ để sinh tồn và nảy nở, cùng với sự nghèo khổ và chính sách ngu dân

vô cùng thâm hiểm, chúng góp phần kìm hãm nhân dân trong vòng u tối. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, chỉ một số rất ít người biết chữ Hán, một số ít người biết chữ quốc ngữ, hầu hết nhân dân đều bị mù chữ, riêng trong nữ giới thì gần như mù chữ hoàn toàn.

Về tổ chức bộ máy hành chính ở Hành Thịnh trước 1945 không khác mấy với các địa phương trong tỉnh. Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, mỗi làng bao gồm *lý trưởng* và *ngũ hương*. *Lý trưởng* là người đứng đầu làng, có khuôn dấu riêng. *Ngũ hương* gồm năm chức sắc giúp việc cho lý trưởng: *hương kiểm* trông coi đôn đốc việc tuần tra, canh gác trong làng, *hương bộ* giữ địa bộ, đăng ký sinh, tử, giá thú, *hương bốn* giữ tiền của, thóc lúa của làng, *hương mục* trông coi cầu đường, *hương dịch* gồm những người giúp việc cho những chức sắc kể trên. Ngoài *Ngũ hương*, mỗi làng còn có *Hội đồng Kỳ hào* gồm những người có thế lực hoặc giàu tiền của, hoặc có trình độ học vấn, dưới danh nghĩa thay mặt cho dân đôn đốc và kiểm tra việc làm của *ngũ hương*. Nói chung, bọn thực dân đã thiết lập một bộ máy tay sai đặc lực, phản dân hại nước, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, thực hiện mưu đồ chiếm đóng nước ta lâu dài. Chúng còn áp đặt một bộ máy lực lượng bán vũ trang với 10 tráng đinh thành 1 thập, mỗi làng có xã đoàn, mỗi tổng có tổng đoàn; hầu khắp các làng đều lập các điểm canh, tổ chức dân canh gác ban đêm để liên tục đánh phá cách mạng với danh nghĩa công khai là giữ gìn an ninh trật tự, chống trộm cắp; tổ chức bọn thám báo, phòng nhì ở khắp nơi để đánh phá cách mạng, đàn áp nhân dân.

Cuộc sống của nhân dân Hành Thịnh xưa vốn đã nghèo khổ cơ cực về vật chất, lại bị o ép nặng nề về tinh thần.

Song hình thế núi, sông, đồng bằng đã tạo cho Hành Thịnh những phong cảnh sơn thủy hữu tình, hoành tráng, góp phần un đúc, hình thành nhân cách con người mà nét nổi bật là hiền hòa, ân nghĩa trong đối nhân xử thế, chăm chỉ trong lao động và học tập, gan góc trong chiến đấu. Thuở xưa, một thi nhân dân gian nào đó đã viết một bài thơ ca ngợi cảnh đẹp quê hương mình như sau:

*Mến cảnh thiên nhiên những bận lòng
Núi Giàng lên đỉnh đứng xa trông
Hố Cau, Vườn Mít xanh rì lá
Trông Mướp, Gò Gà trắng xóa bông
Đám Sặt, Mò O trời giúp sức
Hóc Tre, Mây Đắng đất hùn công (*)
Gành Vườn sản ruộng còn nguyên đó
Cảnh đẹp là đây hãy gắng công!*

Có trời giúp sức, đất hùn công, người Hành Thịnh trải qua bao đời đấu tranh với tự nhiên để sinh tồn đã góp phần tô điểm quê hương mình ngày càng thêm đẹp, hình thành cho mình một truyền thống lao động cần cù. Người Hành Thịnh đậm chất chân thật, thuần phác, giản dị và khiêm ước, có tinh thần đoàn kết tương thân tương ái trong làm ăn cũng như trong đấu tranh chống thiên tai; mặt khác lại rất hiếu học, nhiều người chung sức mở trường ở các làng, thuê thầy

(*) Đất hùn công: có người đặt là dốc Móng Công. Song chỉ có đất hùn công mới đổi lại trời giúp sức ở câu trên, đúng như quy tắc của thơ Đường.

về dạy, nhiều người thi Hội, thi Hương, đỗ cử nhân, phó bảng...nhiều người giữ những chức vụ cao (*)

Đây là quê hương đã sản sinh nhiều người con ưu tú, như Lê Tựu Khiết, người cầm đầu phong trào nông dân đòi giảm sưu cao thuế nặng ở Quảng Ngãi, đã được ghi vào sử sách của dân tộc. Cụ Lê Tựu Khiết sinh năm Đinh Ty 1857 ở An Ba, đỗ cử nhân năm Nhâm Ngọ, làm quan dưới các triều Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái, đến chức bố chính (nên thường được gọi là Bố Khiết), sau vì bất mãn với triều đình trở về quê làm thầy thuốc. Thấu hiểu nỗi khổ sưu cao thuế nặng của nhân dân ở quê hương mình, cụ đã cùng nhà yêu nước Nguyễn Bá Loan tham gia lãnh đạo phong trào “Cự sưu khất thuế” nổi tiếng ở Quảng Ngãi. Hoạt động yêu nước của cụ đã bị thực dân Pháp đàn áp. Cụ lánh về quê, được nhân dân hết lòng che chở đùm bọc trước khi cụ bị chúng bắt được và xử tử năm 1908, lúc mới 51 tuổi.

Truyền thống yêu nước, cần cù lao động và truyền thống hiếu học của nhân dân Hành Thịnh đặc biệt nở rộ từ khi Đảng CSVN ra đời lãnh đạo nhân dân Việt Nam bền bỉ đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong suốt cuộc đấu tranh trường kỳ ấy Hành Thịnh nổi bật lên như một dải đất kiên trung, một tính cách nhân dân ngời sáng.

(*) Việc dời mộ gần đây đã phát hiện những ngôi mộ cổ ở Xuân Đình, Mỹ Hưng... thuộc các dòng họ trong xã được mai táng theo kiểu trong quan ngoài quách (theo ông Nguyễn Liên Hồng), chứng tỏ người dân Hành Thịnh xưa đã có nhiều người giữ những chức vụ cao thời trước.

II- HÀNH THỊNH TRONG GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ 1930.- 1945

Trước năm 1930 ở Hành Thịnh đã có một số cuộc đấu tranh giữa số người giàu gian ác và nghèo bị bóc lột tàn tệ xảy ra khá gay gắt, cổ vũ dẫn đến chết người, có một số người ở các làng tham gia các phong trào yêu nước chống Pháp, nhưng các phong trào này lần lượt bị thực dân phong kiến dập tắt. Ở An Ba có ông Trần Bạt Tụy liên hệ với ông Phạm Quang Lược từ Mộ Đức đến cùng bàn bạc về phong trào cách mạng cải lương. Hai anh em ông Trần Đình Quán (ông Sanh) và ông Trần Đề tham gia vào Hội Ái hữu cho cụ Nguyễn Công Phương lãnh đạo để giúp đỡ người nghèo.

Ngày 3.2.1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Hoạt động của Đảng đã nhanh chóng lan tỏa trong toàn quốc mà đỉnh cao là phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh 1930-1931. Ở Quảng Ngãi, ngay từ mùa xuân năm 1930, tại làng Tân Hội huyện Đức Phổ, Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi được thành lập do ông Nguyễn Nghiêm làm Bí thư lâm thời. Tiếp đó, tháng 6 năm 1930 là Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất. Nghĩa Hành lúc này đã có 3 trong số 26 chi bộ Đảng trong toàn tỉnh (1)

(1) Theo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 (sơ thảo)
Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình, 1985.



Cùng kể từ năm 1930, các Đảng viên Cộng sản từ Nghĩa Hành và Mộ Đức đến gây dựng cơ sở cách mạng ở Hành Thịnh thông qua các ông Xã Ngãnh (Huỳnh Quang Lộc) ở Xuân Đình, ông Trần Cốc, rồi đến các ông Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá (Đồng Xuân), Cao Bái, Cao Liên (Xuân Đình), Nguyễn Duy (Mỹ Hưng) và một số người khác như Hương bộ Sương (Ba Bình), Trần Bạt Tuy, Trần Quán, Trần Đề, Nguyễn Tấn Tráng (An Ba)... (*) Như nắng hạn gặp mưa, hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã nhanh chóng thấm sâu vào quê hương Hành Thịnh. Các đoàn thể cách mạng bí mật hình thành. Những hoạt động của các đoàn thể cách mạng dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng đã từng bước phát triển, thu hút các tầng lớp nhân dân ngày càng sâu rộng ở khắp các làng ấp. Hình thức hoạt động cũng phong phú, đa dạng như sinh hoạt mạn đàm, dán, rải truyền đơn, áp-phích, thăm hỏi nhau trong làm ăn, giúp đỡ nhau trong ốm đau, hòa giải các vụ tranh chấp... Phong trào cách mạng khá nở rộ, không chỉ ở các hội viên đoàn thể mà còn thu hút quần chúng đồng tình ủng hộ, cô lập từng bước bộ máy chính quyền địch ở địa phương.

Có lẽ hoạt động đáng kể đầu tiên của các cơ sở cách mạng ở Hành Thịnh là việc tổ chức Đảng cấp trên đặt cơ sở in truyền đơn bằng thạch xoa tại nhà ông Huỳnh Kỳ vào khoảng cuối năm 1930, có bố trí người canh gác cẩn mật bên ngoài. Tiếp đó có việc bí mật treo cờ đỏ búa liềm vào ban đêm ở Cây Sanh (chợ Ba Bình), ở núi Rố và cây đa đầu Cấm Ông Thi,

(*) Theo hồi ức của ông Huỳnh Dực.

Gò Mả Đức (thôn Thuận Phong) (*). Sáng ra, thấy cờ, đã trong xã tụ tập đến xem đông như hội. Bọn hương lý thấy vậy lập biên bản và ra lệnh hạ cờ, nhưng cờ treo cao, khó hạ, nên đến nửa buổi sáng chúng mới hạ xong. Vợ chồng ông Huỳnh Kỳ và ông Huỳnh Bá, vợ chồng ông Thủ bị chúng bắt trói tay, giải lên huyện vì bị tình nghi, song không tìm được chứng cứ nên chúng đành phải thả ra. Từ đó, bọn thực dân phong kiến cũng ráo riết theo dõi, điều tra phong trào cách mạng ở Hành Thịnh. Cũng như nhiều nơi khác, sau 1930, bộ máy phong kiến ở Hành Thịnh có tăng cường thêm: ở tổng là tổng đoàn, dưới xã có đoàn phu, đoàn thập, mỗi đoàn thập có 10 - 15 người (gồm cả 4 lính khố đỏ trang bị súng ống) ngày đêm sục sạo các thôn xóm. Không khí đời sống trở nên ngột ngạt, nhà có người đau ốm vẫn không dám thắp đèn.

Tháng 2 năm 1931, theo sự chỉ đạo của huyện, cán bộ cốt cán ở các làng đã vận động hàng ngàn người dân, nòng cốt là hội viên các hội - đang đêm tập trung biểu tình diễu hành hô vang các khẩu hiệu "Cách mạng muôn năm", "Đả đảo bọn tay sai phản động, phản cách mạng!". Đoàn biểu tình rầm rộ kéo đến Ba Bình đốt nhà đại hào Tuy. Y hoảng sợ trốn thoát. Trong khí thế cách mạng dâng cao, quần chúng với đèn đuốc sáng rực tiếp tục vượt sông Vệ đang kỳ nước lớn (qua đoạn sông Đồng Xuân, Ba Bình - An Chỉ), hòa nhập cùng nhân dân các làng thuộc xã Hành Phước ngày nay, quê hương của nhà cách mạng Nguyễn Công Phương, biểu tình tràn ngập

(*) Theo ông Huỳnh Kinh thì có 3 địa điểm: Cây Sanh (Ba Bình), Cây Cầy (Gò Rú), Cây Đa (Mỹ Hưng).

các xóm thôn, đồng lòng kéo đến đốt nhà xã Phụng và trấn áp bọn cường hào phản động có tội với cách mạng, với nhân dân. Bọn chúng lần tránh dụng độ với nhân dân, im hơi lặng tiếng. Theo chỉ đạo của cán bộ cách mạng, đoàn người biểu tình tiếp tục kéo đến Kỳ Thọ (nay là xã Hành Đức) để trị tội, trấn áp bọn tay sai đánh phá cách mạng, hòa cùng nhân dân vùng đông Nghĩa Hành mít-tinh, diễn thuyết. Song chưa kịp hành động thì trời đã gần sáng. Bọn chỉ huy và binh lính tay sai được điều từ huyện lỵ Nghĩa Hành xuống bao vây và bắn xả vào đoàn người biểu tình tay không, làm nhiều người chết và bị thương, trong đó Hành Thịnh có anh Bùi Huân (*), người làng Ba Bình, bị bắn trọng thương, sau đó đã qua đời tại quê. Đoàn người biểu tình kịp thời phân tán, để lại trong lòng nhân dân những ấn tượng sâu sắc đối với cách mạng, còn kẻ địch thì hoang mang hoảng sợ, co cụm, không dám hách dịch với nhân dân như trước.

Sau cuộc biểu tình, bọn thực dân phong kiến liền tiến hành một cuộc khủng bố, truy bắt, tra tấn rất dã man hàng trăm người, nhất là những cán bộ cầm đầu. Chúng truy bắt ông Cao Bái, Dương Xuân, anh Thuộc, Cao Long, Huỳnh Hưng giam ở nhà tù trong tỉnh. Các ông Huỳnh Bá, Huỳnh Kỳ đều bị bắt đưa đi nhà tù Buôn Ma Thuộc với mức án tù 5 năm. Trong tù, các ông tiếp tục đấu tranh chống ngược đãi, liền bị gia hạn tù. Ông Huỳnh Bá bị gia hạn tù lên 7 năm (**). Phong

(*) Theo ông Nguyễn Liên Hồng thì đó là Lê Trực. Đoạn này viết theo hồi ức của các ông Huỳnh Dực, Huỳnh Kính, Nguyễn Liên Hồng, Nguyễn Hậu. Ông Nguyễn Hậu còn cho biết danh tánh một số người diễn thuyết hôm đó.

(**) Theo hồi ức của ông Huỳnh Kính.

trào cách mạng trong xã tạm thời lắng xuống. Nhân dân tạm dứt liên lạc với cán bộ cách mạng, song vẫn chờ đợi có dịp vùng dậy.

Từ trong nhà tù, các chiến sĩ cách mạng được bí mật truyền đạt các Nghị quyết của Trung ương, đã nắm vững đường lối cách mạng, để khi ra tù, dù bị quản chế theo dõi nghiêm ngặt, vẫn bắc liên lạc được với tổ chức và gây dựng lại phong trào cách mạng. Ở tỉnh, cuối năm 1935, Tỉnh ủy Lâm thời đã được thành lập lại do ông Nguyễn Công Phương, người Hành Phước làm Bí thư (*).

Năm 1936, Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền ở Pháp, chủ trương nới lỏng sự cai trị ở thuộc địa. Tranh thủ thời cơ đó, Đảng chuyển sang hoạt động nửa công khai. Các hạt nhân của phong trào cách mạng ở Hành Thịnh cũng lần lượt ra tù, hoạt động trở lại.

Các ông Trần Hàm, Trần Huân (Đồng Cát, Mộ Đức) thường về kiểm tra công tác và vận động các ông Trần Cốc, Trần Tự (Đồng Xuân) quyên góp xây dựng quỹ tài chính cho tỉnh. Hoạt động đáng chú ý trong thời kỳ này là nhân dân Hành Thịnh - hưởng ứng cuộc vận động của Đảng - tham gia cuộc “đón rước Gô-đa” - phái viên của chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp - một cách đông đảo. Từ Hành Thịnh, nông dân hợp thành từng nhóm năm ba người công khai hòa vào những nhóm người từ Hành Tín, Hành Thiện xuống, cùng đi bộ đến thị xã Quảng Ngãi, hòa nhập với toàn huyện, toàn

(*) Theo *Lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi* - Sách đã dẫn.

tỉnh, ngồi chờ suốt một ngày một đêm, hô vang các khẩu hiệu, cho đến khi “đón rước Gô-đa” và đưa kiến nghị xong mới giải tán ra về. Đây là cuộc biểu tình hợp pháp, bên ngoài khoác hình thức đón Gô-đa nhưng bên trong là cuộc biểu dương lực lượng quần chúng và phong trào cách mạng, công khai đòi dân chủ, dân sinh, giảm sưu thuế và lao dịch. Bọn hương lý, cường hào ở địa phương dù rất căm tức vẫn không ngăn cản nổi làn sóng cách mạng vì nó khoác dưới hình thức hợp pháp của quần chúng. Sau đó chúng mới giở thủ đoạn đàn áp, cách chức hương bộ của Lê Ba (làng Ba Bình), bắt bỏ tù giết chết Xã Trưởng tại nhà lao Quảng Ngãi, đồng thời bắt bố, bỏ tù khoảng 15 người khác.

Cũng trong năm 1936, cụ Phan Chu Trinh mất, cán bộ Hành Thịnh tổ chức hình thức đeo tang cụ (*).

Năm 1939, Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ. Nước Pháp đã lao vào con đường phát-xít hóa. Ở thuộc địa, bọn thực dân quay lại đàn áp dã man phong trào cách mạng. Bước vào giai đoạn 1939-1945, cách mạng Việt Nam nói chung, Hành Thịnh nói riêng có những tổn thất, nhưng đồng thời phong trào cách mạng lại chuyển biến nhanh chóng, mạnh mẽ mà nòng cốt là các cán bộ đã dày dạn kinh nghiệm đấu tranh.

Từ những năm 1940 - 1942, ông Nguyễn Công Phương, ông Nguyễn Thượng Tứ, ông Nguyễn Dâng (Đảng) từ Hành Phước thường qua lại Hành Thịnh liên lạc với các ông Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá. Song cách mạng lúc này chưa mở rộng được.

(*) Theo hồi ức của ông Hoàng Chiêu.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, năm 1943, Ban Vận động Cứu quốc huyện Nghĩa Hành được thành lập. Ở Hành Thịnh có các ông Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá làm ủy viên.

- Ngày 9.3.1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương, bọn thực dân Pháp và tay sai hoang mang cực độ.

Ban thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng, ra chỉ thị *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*. Mặt trận Việt Minh ra lời hịch kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh phong trào kháng Nhật, cứu nước.

Ngày 11.3.1945, chỉ sau hai ngày Nhật đảo chính Pháp, Tỉnh ủy Quảng Ngãi liền chớp lấy thời cơ, phát động quần chúng Kinh-Thượng nổi dậy đập tan chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân và thành lập đội Du kích Ba Tơ, rút vào rừng xây dựng chiến khu.

Hành Thịnh là một cửa ngõ thuận tiện để lên xuống Ba Tơ (qua thung lũng Hành Thiện, Hành Tín), các tổ chức cách mạng ở Hành Thịnh đã tích cực tổ chức, huấn luyện lực lượng tự vệ và vận động ủng hộ tiền gạo, quần áo, thuốc men...cho đội du kích Ba Tơ. Số lượng cán bộ cách mạng lúc này tuy còn ít ỏi nhưng khí thế cách mạng rất sôi nổi, được đông đảo quần chúng nhiệt tình ủng hộ, nên bộ máy chính quyền địch ở địa phương tuy biết cũng không làm được gì.

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa này, Hành Thịnh đã vận động được nhiều người vào Việt Minh bí mật với tổng số trên 50 thành viên và đa số nhân dân tham gia.

Được sự chỉ đạo kịp thời của cấp trên, tháng 4.1945, Hội Nông dân Cứu quốc tổng được thành lập gồm đại biểu các

làng trong tổng tham dự tại nhà bà Thủ Viên (Hòa Huân). Hội nghị đã bầu ông Nguyễn Thanh Long (Hòa Huân) làm thư ký, ông Hồng Sơn (làng Tân Phú) làm phó thư ký phụ trách chung, các ông Trần Ánh Vàng (Đồng Xuân), Nguyễn Liên Hồng (Mỹ Hưng), Trần Huy (Xuân Đình), làm ủy viên chấp hành phụ trách khu đông tổng. Ban chấp hành đã họp 3 lần trước Tổng khởi nghĩa và 2 lần sau Tổng khởi nghĩa để vận động quần chúng tham gia cách mạng, thu hút được cả những người làm trong chính quyền địch (*).

Trong bối cảnh ấy, các đảng phái phản động như Tân Việt, Cao Đài - hai tổ chức thân Nhật và ủng hộ chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim - cũng ra sức hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, nói xấu Việt Minh và phong trào cách mạng. Ở Hành Phước, bọn Tân Việt nhóm họp, mời các ông Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá sang dự nhưng các ông đều từ chối bằng cách tạm lánh đi nơi khác. Trở về, các ông Huỳnh Kỳ, Huỳnh Bá cùng các ông Huỳnh Kính, Huỳnh Quang Khanh, Tùng Giang (Huỳnh Quang Bá) và các hạt nhân khác của phong trào cách mạng tiếp tục hoạt động, tổ chức các lò rèn vũ khí (ở Thuận Phong có các ông Trần Lưu, Trần Dừa, ở Xuân Đình có các ông Trần Bồng, Trần Bưởi, Lê Sắt v.v...) huấn luyện các đội tự vệ, đêm đêm bí mật ra bãi sông Mỹ Hưng tiếp nhận sắt thép, vũ khí để chuyển lên Ba Tơ. Gạo, mắm, quân nhu cũng thường xuyên được quyên góp để ủng hộ đội du kích Ba Tơ.

(*) Theo hồi ức của ông Nguyễn Liên Hồng.

Ở An Ba, có người mở lớp dạy học theo lối văn hóa thân Nhật. Việt Minh không đồng ý, cảnh cáo, liền phải dẹp bỏ.
(*)

Một hoạt động đáng chú ý nữa của Hành Thịnh trong giai đoạn cách mạng này là việc chuẩn bị đón đội du kích Ba Tư hạ sơn giữa tháng 8 năm 1945 để chặn đánh quân Nhật ở Mỏ Cày. Với vị trí đặc biệt, Hành Thịnh là một cửa ngõ để du kích Ba Tư thực hiện một mũi tiến công địch. Nhân dân Hành Thịnh đứng chặn con đường xuyên xã, đem theo gà, vịt, đường... ụy lạo đội du kích. Trong lần này cô Nguyễn Thị Cúc Hoa (người thôn Ba Bình), chị Năm Lân và các anh Nguyễn Nguyệt Lý, Trần Hồng Long (thôn Mỹ Hưng) đã tình nguyện gia nhập Đội xuống đánh Mỏ Cày. Tóm lại, cán bộ và nhân dân Hành Thịnh đã ủng hộ một cách thiết thực về tinh thần và vật chất cho phong trào du kích Ba Tư, góp phần khiên tốn của mình vào cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thành công trên toàn huyện, toàn tỉnh.

Hòa vào khí thế khởi nghĩa sôi nổi của nhân dân toàn huyện, toàn tỉnh, vào đêm ngày 13 tháng Tám 1945, Tổng hội nông dân Cứu quốc đã họp tại nhà bà Thủ Viên (Hòa Huân) nghe ông Huỳnh Bá Loan báo lệnh khởi nghĩa. Hôm sau, nhân dân các làng trong xã Hành Thịnh đã nổi trống, mõ, tập hợp nhau lại để giành chính quyền. Dân chúng tập trung lại, tự vệ các làng cũng sẵn sàng vũ khí tự tạo trong tay kéo đến nhà các lý trưởng bắt phải giao nộp khuôn dấu.

(*) Theo hồi ức của ông Trần Quang Toàn.

Cờ đỏ sao vàng được treo tung bay ở khắp nơi trong xã. Trước khí thế hồ hởi, sôi sục tinh thần cách mạng của quần chúng, chính quyền địch ở địa phương đã hoàn toàn tê liệt, tan rã. Chính quyền cách mạng lâm thời ở mỗi làng được thành lập.

Tóm lại, phong trào cách mạng của nhân dân Hành Thịnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có từ rất sớm. Sự sớm sủa này chứng tỏ một thực tế khách quan là, tôn chỉ mục đích của Đảng hợp với ý nguyện của đại đa số nhân dân yên nước xã nhà. Đây cũng chính là nhân tố trọng yếu nhất, góp phần quyết định những thành tích trong phong trào cách mạng của địa phương suốt chiều dài lịch sử về sau.

Tuy là vùng quê có phần hẻo lánh, phong trào cách mạng của Hành Thịnh luôn bắt nhịp được với phong trào cách mạng của toàn huyện, toàn tỉnh và tuy có lúc thoái trào, phong trào cách mạng ở đây gần như giữ được liên tục, bền vững. Ở mỗi thời đoạn ngắn của lịch sử đều có những đóng góp nổi bật, đáng ghi nhận. Đó là việc rải truyền đơn, treo cờ ở dọc đường, ở các điểm canh nhằm gây thanh thế và trấn áp bọn hương lý cường hào; tham gia cuộc biểu tình ở Kỳ Thọ, trong phong trào cách mạng 1930 - 1931. Đó là việc tham gia phong trào “đón rước Gô-đa” trong phong trào cách mạng 1936-1939. Đó cũng là việc hình thành lực lượng thanh niên tự vệ, rèn đúc vũ khí, tích cực huấn luyện và quyên góp chi viện cho đội du kích Ba Tơ, trong cao trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Những thành tích trên, đặc biệt, sự nhanh chóng cướp chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945 là nhờ tinh thần tích cực, chủ động, không ỷ lại, khoanh tay nằm chờ, nhờ tinh thần dám hy sinh vượt qua thử thách của đại đa số

nhân dân, nhất là những hạt nhân cách mạng, những người con ưu tú của xã nhà. Những hạt nhân cách mạng dù bị khủng bố, tra tấn, tù đày vẫn tìm mọi cách liên lạc với tổ chức cách mạng, gây dựng lại phong trào trong quần chúng. Quần chúng nhân dân tuy bị o ép, khủng bố khốc liệt vẫn một lòng tham gia phong trào cách mạng do Đảng phát động và tổ chức. Bởi vậy phong trào cách mạng ở Hành Thịnh không chỉ được chấp nối liên tục, bền vững mà ngày càng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước. Ngày 2.9.1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng chục vạn đồng bào thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ Lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời. Cách mạng Tháng Tám và sự khai sinh nước VNDCCH đã chấm dứt vĩnh viễn chế độ phong kiến kéo dài hàng ngàn năm và chế độ thực dân thống trị nước ta hàng trăm năm, mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước, kỷ nguyên độc lập, dân chủ và thống nhất.

Ở Hành Thịnh, lực lượng cán bộ Việt Minh cùng nhân dân thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời ở các làng (*), tuyên bố bãi bỏ chế độ thực dân phong kiến và công bố chính sách của cách mạng, đồng thời không ngừng xây dựng, củng cố các đoàn thể như Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, lực lượng bán vũ trang, tổ chức biểu tình chào mừng cách mạng thành công và thực hiện chế độ thiết quân luật tạm thời để giữ vững an ninh trật tự địa phương.

(*) Tức thôn. Theo ông Hoàng Chiêu thì Ủy ban NDCMLT ở mỗi thôn thường có từ 3 đến 4 người.

III- HÀNH THỊNH TRONG 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đánh dấu một kỷ nguyên mới của cách mạng Việt Nam, nhưng liền đó, quân Tàu-Tướng tiến vào miền Bắc, quân Anh - Pháp tiến vào Nam bộ, núp dưới danh nghĩa giải giáp quân đội phát-xít Nhật, hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của ta. Nạn đói do bọn Pháp - Nhật gây ra ở miền Bắc cuối năm 1944 đầu năm 1945 hết sức trầm trọng. Tài chính kiệt quệ. Chín mươi phần trăm dân số mù chữ. Tình thế nước ta lúc này là “nghìn cân treo sợi tóc”. Trung ương, Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân chống ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Cuối năm 1946, tình hình trong nước ngày càng trở nên nguy ngập trước nạn ngoại xâm. Sau khi đánh chiếm Nam bộ và các tỉnh cực nam Trung bộ (trong năm 1945), cuối tháng 11 năm 1946, quân Pháp gây hấn rồi đánh chiếm Hải Phòng, đưa tối hậu thư cho chính quyền ta ở Hà Nội. Trước dã tâm tái xâm lược trắng trợn của Pháp, Thường vụ Trung ương Đảng ta đã họp trong 2 ngày 18 và 19.12.1946, quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* ngày 27.12.1946 xác định đường lối kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh. Đây là đường lối đúng đắn, là ngọn

được soi sáng cho quân dân cả nước từng bước đánh thắng kẻ thù.

Thực hiện đường lối ấy, nhân dân Hành Thịnh với bản chất cách mạng và truyền thống yêu nước vốn có của mình, bền bỉ đi theo sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể cách mạng địa phương, đã giành được những thắng lợi nổi bật trên nhiều lĩnh vực.

Để giảm bớt đầu mối hành chính, tạo điều kiện cho cấp cơ sở phát huy được chức năng điều hành nhiệm vụ cách mạng, đơn vị tổng quá rộng trước kia được xóa bỏ; đơn vị xã được hình thành trên cơ sở hợp nhất nhiều làng nhỏ. Đầu năm 1946, các làng An Ba, Ba Tư, Xuân Phú và ấp Châu Me hợp thành xã Hành Trung; các làng Mỹ Hưng, Đồng Xuân, Ba Bình, Xuân Đình, Thuận Phong, Hòa Huân hợp thành xã Hành Tân.

Đầu năm 1946, được sự chỉ đạo của cấp trên và sự điều hành của cán bộ cách mạng ở địa phương, 100% cử tri đã hân hoan đi bầu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, xã, chọn những cán bộ đủ năng lực và phẩm chất tham gia vào các cơ quan quyền lực của nhà nước. Riêng Hội đồng nhân dân xã, số ứng cử viên nữ giới trúng cử chiếm 20%. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân được thực hiện quyền công dân trong một quốc gia dân chủ, độc lập, được lựa chọn người đại diện xứng đáng của mình, tham gia xây dựng đất nước. (Hưởng ứng “Tuần lễ vàng” và “Quý độc lập”, đồng bào 2 xã đã có nhiều người đem tư trang hiến cho cách mạng, trong đó có cả những người dân nghèo, để góp phần xây dựng chính quyền. Chính quyền, mặt trận, các đoàn thể cách mạng được

xây dựng kiện toàn, các tổ chức dân quân, công an được chỉnh đốn nhằm điều hành nhiệm vụ cách mạng ở địa phương đạt hiệu quả tối ưu nhất.

Vào khoảng đầu năm 1946, ông Huỳnh Bá cùng với vài người khác được kết nạp vào Đảng. Tháng 6.1946, thêm một số đảng viên mới kết nạp, hình thành chi bộ ghép 2 xã Hành Trung, Hành Tân. Tháng 9.1946, Đảng viên được phát triển thêm, thành lập được 2 chi bộ và bầu cử chi ủy: ông Huỳnh Bá được bầu làm Bí thư Chi bộ xã Hành Tân, ông Trần Quang Toàn được bầu làm Bí thư Chi bộ xã Hành Trung, đánh dấu sự ra đời và phát triển của tổ chức Đảng ở địa phương, trực tiếp lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Từ đó về sau, chi ủy phân công các chi ủy viên, đảng viên phụ trách chính quyền và chuyên trách các ngành, các đoàn thể, quyện chặt trong quần chúng, tuyên truyền, vận động quần chúng nâng cao lòng yêu nước, tham gia tích cực vào các phong trào Cách mạng.

(Về chống giặc đói, nhân dân Hành Thịnh dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã thực hiện nghiêm khẩu hiệu tăng gia sản xuất, tấc đất tấc vàng. Thấy được trách nhiệm của mình “đồng ruộng là chiến trường, cày cuốc là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền tuyến”, phong trào thi đua sản xuất trong toàn địa phương ngày càng đạt kết quả cao. Nhân dân ra sức mở rộng diện tích trồng cây lương thực, giảm diện tích trồng màu, dựng các bờ xe nước, củng cố các đập nước, đào ao vét giếng, chăm lo phát triển cây, con giống, nhiều giống lúa, mì, đậu... có năng suất khá. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển, nhiều

nơi đã tận dụng đất đồi núi để tăng nhanh đàn bò, phục vụ cày kéo và cung cấp thịt.

Các ngành nghề thủ công truyền thống như may mặc, rèn nông cụ, trồng dâu nuôi tằm, ương tơ dệt lụa, dệt vải được duy trì và phát triển. Song nổi bật nhất vẫn là sản xuất lương thực. Bên cạnh lo việc tưới tiêu, phong trào làm phân hữu cơ phát triển mạnh, tác động lớn đến tăng năng suất và sản lượng lương thực. Từ một vùng quê thiếu ăn, Hành Thịnh đã trở thành một vùng quê đủ ăn, cung cấp một phần lương thực cho bộ đội, đóng góp đầy đủ nghĩa vụ thuế hằng năm để xây dựng đất nước. Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chống đói, mọi người, mọi nhà đã thực hiện triệt để không nấu rượu bằng gạo, hạn chế làm bánh bằng gạo, thực hiện “Hũ gạo tiết kiệm” để góp phần cứu đói đồng bào miền Bắc, mỗi tháng thu được hàng tấn gạo - chủ yếu là do Hội Phụ nữ Cứu quốc vận động.

(Về chống giặc đốt: Do thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề cai trị nên trước 1945, Hành Thịnh chỉ có một trường học ở An Ba với hai lớp đồng ấu và dự bị (tương đương lớp 1, lớp 2 hiện nay) cho cả các làng ở Đức Hòa, Đức Hiệp theo học. Về sau, dân các làng phía tây xã ngày nay với tinh thần hiếu học đã chung sức đóng góp xây dựng một ngôi trường tương tự như An Ba, song cũng chỉ dung nạp được khoảng 100 học sinh vì cơ sở quá hẹp. Bởi vậy ngoài một tỷ lệ rất nhỏ số người được đi học, đại đa số nhân dân phải chịu cảnh mù chữ.

Sau cách mạng Tháng Tám, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, phong trào xóa mù chữ, bình dân học vụ trong địa

phương được tổ chức, duy trì thường xuyên và ngày càng mở rộng, được nhân dân đồng lòng hưởng ứng. Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, học tập, xóa mù là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người nên Hành Tân, Hành Trung đều đặt xóa mù làm một trọng tâm trong công tác, đều chỉ đạo khá chặt chẽ, sâu sát, trong tổ chức cũng như trong việc tuyên truyền, vận động người đi học. Có những cụ già 60, 70 tuổi cũng đêm đêm cầm đèn đến lớp bình dân. Có nhiều hình thức học như học ở lớp, học trên đường, đổ chữ... để việc xóa mù thêm sâu rộng. Có người tích cực học ở thời kỳ đầu, quay lại làm thầy dạy cho thời kỳ sau.

Tính từ tháng 10.1945, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh về bình dân học vụ cho đến năm 1948 hai xã Hành Trung, Hành Tân đã xóa xong nạn mù chữ, một thành tích rất lớn góp vào phong trào chung của toàn huyện, toàn tỉnh.
(*)

Đồng thời với công tác xóa mù, các lớp học phổ thông cũng được phát triển. Cho đến khi hợp nhất thành một xã (1950), Hành Thịnh đã có được trường tiểu học hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho con em địa phương học lên cao hơn.

Giặc Pháp tàn ác ném bom vào trường Trung học Lê Khiết đóng tại thị trấn Sông Vệ tháng 3.1949, trường chuyển về Hành Thịnh và đóng ở đây cho đến khi chiến tranh kết thúc

(*) Cái mốc này có sự chứng kiến của đại diện Sở Bình dân học vụ Tỉnh lúc đó. "Đến cuối năm 1948, toàn tỉnh Quảng Ngãi không còn người mù chữ". Theo *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*. NXB Tổng hợp và BCH Quân sự Nghĩa Bình, 1988.

(1954). Từ đây, con em xã nhà càng có điều kiện theo học ở bậc học cao hơn. Trong những năm trường Trung học mang tên nhà yêu nước nổi tiếng về lại quê nhà, chính quyền và nhân dân địa phương không ngại máy bay Pháp lại đánh bom, đã hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhà trường xây dựng trường ốc, tự nguyện thu xếp những chỗ ở, chỗ nghỉ ngơi tốt nhất; tạo mọi điều kiện thuận lợi về sinh hoạt, dạy-học cho các thầy cô giáo và học sinh. Sự gắn bó máu thịt, đầy tình cảm của chính quyền và nhân dân Hành Thịnh với nhà trường đã góp phần un đúc nên nhiều người sau này là những nhân tài, trí thức lớn của đất nước. Cho đến nay, trải hơn 40 năm, những ấn tượng hết sức tốt đẹp về Hành Thịnh vẫn in đậm trong tâm khảm của nhiều học sinh và giáo viên cũ của trường đang công tác ở khắp nơi trên đất nước.

Song song với phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng được chính quyền cách mạng quan tâm giải quyết tốt.

Thực hiện nếp sống mới, tháng 3.1946, chính quyền cách mạng địa phương đã vận động quy tập các đền miếu, xóa bỏ chế độ cúng bái, xóa bỏ tệ cờ bạc, hút xách, trộm cắp, các hủ tục, mê tín dị đoan gây tốn kém, phiền phức mà chế độ phong kiến để lại; vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hiện nam nữ bình đẳng, thực hiện ăn sạch, uống sạch, ở sạch, diệt trừ ruồi muỗi. Nhờ vậy, các loại dịch bệnh nguy hiểm từng hoành hành trước kia như đậu mùa, dịch tả, sốt rét được đẩy lùi hoặc hạn chế đến mức thấp nhất, trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp. Tình làng nghĩa xóm, tinh thần lá lành đùm lá rách, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn

nạn vốn bắt rễ từ truyền thống cũng được chính quyền cách mạng khuyến khích, tạo không khí đầm ấm, ruột thịt trong toàn địa phương. Đảng còn tổ chức giáo dục tinh thần cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, nêu cao lòng yêu nước và sẵn sàng tham gia kháng chiến chống ngoại xâm.

Về chống giặc ngoại xâm: Hành Thịnh nằm trong lòng tỉnh Quảng Ngãi tự do suốt 9 năm, vẫn hết sức tích cực đóng góp cho công cuộc kháng chiến chung. Nhiệm vụ đầu tiên đặt ra là chấn chỉnh tổ chức tự vệ trước cách mạng Tháng Tám thành tổ chức dân quân tự vệ và phiên chế dân quân du kích thành các đơn vị tiểu đội, trung đội, đại đội, xã đội. Mỗi xã (Hành Trung, Hành Tân) có ban chỉ huy xã đội riêng, chỉ huy đến 3 đại đội dân quân (bao gồm hầu hết nam nữ từ 18 đến 35 tuổi) và đại đội du kích. Đại đội du kích khu đông mang tên đại đội Nguyễn Duy, đại đội du kích khu tây mang tên đại đội Lê Trực, được trang bị gươm giáo đầy đủ, thường xuyên luyện tập, làm nòng cốt trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, trực tiếp tham gia bố phòng, sẵn sàng đánh địch, đào hầm trú ẩn nơi công cộng như trường học, chợ búa, nơi đông người, đào giao thông hào xuyên xã chạy dọc từ bắc xuống nam, từ tây sang đông, dự tính bố trí hầm tác chiến, hướng dẫn và cùng nhân dân bố phòng chiến đấu theo chủ trương của cấp trên; làm cầu phao bằng tre bắc qua sông Vệ v.v... Đồng thời Hành Thịnh đã động viên thanh niên tự nguyện tòng quân nhập ngũ. Tham gia vệ quốc quân đầu tiên là ông Huỳnh Quang Nganh (ông cũng là người dự khóa quân chính đầu tiên do Quân khu Năm tổ chức), tiếp sau có nhiều

người khác, trong đó có những người chưa đủ tuổi hoặc con một trong gia đình, có người còn đang đi ở cho địa chủ. Đặc biệt có những người cao tuổi như các ông Nguyễn Cúc (Đồng Xuân), Nguyễn Mậu Chung (Ba Bình) đã trên 40 tuổi vẫn tình nguyện tham gia vào đội cảm tử quân. Sau Cách mạng Tháng Tám, có thể kể nhiều người gia nhập quân đội như các anh Dương Sơn, Võ Điểm, Nguyễn Nhu, Trần Huy, Võ Ưu, Võ Đường, Nguyễn Mẹo, Trần Văn Pha, Trần Văn Vàng, Võ Đại Hơn, Trần Huy, Trần Văn Quê, Nguyễn Ứ, Nguyễn Hữu Cầu, Cao Thanh, Trần Đức Trì... vào các đơn vị bộ đội chiến đấu trên khắp các chiến trường Liên khu Năm. Anh Võ Đường là cán bộ tiểu đội trong Trung đội của tỉnh cử làm nhiệm vụ bảo vệ Ủy ban Cách mạng Trung bộ. Nhiều người trở thành những cán bộ có năng lực trong quân đội. Mặt khác, cán bộ các ngành, đoàn thể trong xã cũng được động viên cung ứng cho nhu cầu cán bộ của cấp trên (huyện, tỉnh, khu) và các vùng địch hậu Tây Nguyên, Quảng Nam, cực nam Trung bộ, đông Miên, hạ Lào... Dù ở đâu, trong nhiệm vụ nào, họ cũng sẵn sàng cống hiến cho cách mạng, nhiều người đã hy sinh xương máu như Võ Điểm (Xuân Đình), Võ Đường, Nguyễn Nhu, Nguyễn Ứ, Nguyễn Mẹo, Nguyễn Sáu, Nguyễn Tư, Nguyễn Mỹ (Mỹ Hưng), Trần Đức Tài (An Ba), Nguyễn Chính (Đồng Xuân) v.v...

Với vị trí chiến lược đặc biệt, nhờ sự vững chắc trong phong trào cách mạng, nhờ bố phòng tốt, Hành Thịnh đã dần dần trở thành nơi đứng chân của nhiều cơ quan của Khu, Tỉnh, Huyện, nơi bố trí các cơ sở, kho tàng của Nhà nước, của Quân đội như xưởng sản xuất vũ khí tại Xuân Đình - Ba Bình,

may mặc quân trang ở Thuận Phong, trại giam ở Ba Tư, xưởng thuốc thú y ở Xóm Tây (Gò Rú), Phân viện Quân y của khu 5 ở Mỹ Hưng... Hành Thịnh cũng nhiều lần là nơi tập trung các đơn vị bộ đội về tập luyện, chỉnh quân, diễn tập công đồn, tập trung nhiều loại vũ khí mới chuẩn bị đánh lớn ở các mặt trận mang ý nghĩa quyết định (như Chiến dịch giải phóng Com Plông, chiến dịch bắc Tây Nguyên...). Trong những năm sau cùng của cuộc kháng chiến, Hành Thịnh tiếp nhận nhiều thương binh các chiến trường đưa về; được các mẹ, các chị nuôi dưỡng tận tình, chu đáo như con cái trong nhà, thậm chí còn giúp họ xây dựng tổ ấm gia đình, thể hiện tình quân dân ruột rà, thấm thiết.

Về mặt bố phòng chiến đấu, nhân dân chặt tre, vót thành những cọc nhọn cao 2, 3 mét, cắm dày ở các bãi đất trống chống địch nhảy dù tập kích bằng đường không; treo bồ tín hiệu trên núi cao sẵn sàng báo động có giặc đến. Mọi gia đình đều hưởng ứng nuôi quân luyện tập, có gia đình nuôi một tiểu đội ăn tập trong 3 - 5 ngày. Cứ mỗi bữa, mỗi gia đình bỏ vào hũ "Hũ gạo đồng tâm kháng chiến" một nắm gạo. Hằng tháng mỗi gia đình đồng tâm nhin một bữa và lấy ngày 19 tháng 8 làm "ngày đồng tâm". Đến cuối tháng, Ban Vận động nuôi quân xã, thôn đi thu gom. Nhờ tổ chức chặt chẽ, nuôi quân tốt, việc luyện tập của lực lượng bán vũ trang được duy trì thường xuyên, đạt kết quả cao. Ban Vận động nuôi quân ở Hành Trung có các cụ Nguyễn Tấn Tuân, Trần Đức Dung, ở Hành Tân có các cụ Lê Tăng, Trần Tự. Ở thôn cũng có Ban Vận động nuôi quân. Hai xã Hành Trung và Hành Tân đã thực hiện nghiêm chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi "Mỗi

người dân là một chiến sĩ , mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một chiến lũy” (*), sẵn sàng đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Về chính trị tư tưởng, hai xã Hành Trung, Hành Tân luôn coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đoàn kết chặt chẽ, tiếp tục chống phong kiến đế quốc. Mặt trận Việt Minh đã thu hút hầu hết các tầng lớp nhân dân, nhưng Mặt trận Liên Việt vẫn ra đời, thực hiện nhiệm vụ đại đoàn kết dân tộc, tập hợp tín đồ các tôn giáo, phú nông, địa chủ, góp phần vào công cuộc kháng chiến.

Về kinh tế, hai xã Hành Trung, Hành Tân thường xuyên động viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất tự túc, tự cấp, đồng thời từng bước thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, chia lại ruộng đất, tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian, công điền, công thổ chia cho nông dân không có ruộng; thực hiện giảm tô, giảm thuế, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Kinh tế tập thể ở các thôn cũng bước đầu phát triển, với các hình thức đang dạng như tổ chức vòng công, đổi công, thành lập Hội Đồng canh ở Đồng Xuân để canh tác hơn 30 mẫu đất công thổ (chia hoa màu theo ngày công, dự trữ để tương trợ hội viên...), thành lập Đoàn cày Mỹ Hưng canh tác hơn 1 mẫu ruộng đất, vận động hội viên đưa ruộng đất vào làm ăn tập thể (trong đó ông Võ Kim Thành và bà Nguyễn Thị Quảng đã đưa hơn 5 sào ruộng tốt vào Đoàn). Chính quyền Cách mạng cũng tổ chức chế biến đường, cung ứng các nhu

(*) Theo *Quảng Ngãi, lịch sử chiến tranh 30 năm 1945 - 1975*.

Sách đã dẫn.

yếu phẩm cho nhân dân... Những việc làm này khiến nhân dân lao động thêm phấn khởi, tin tưởng vào Đảng và chính quyền cách mạng, hăng hái đẩy mạnh sản xuất.

Cuối năm 1947 đầu năm 1948, Pháp đánh nối rộng ra ở Quảng Nam và trước sức kháng cự của lực lượng ta, quân địch bị chặn đứng ở phía bắc sông Thu Bồn. Ở hướng nam, chúng cũng bị chặn đứng ở đèo Cả. Một vùng tự do Liên khu 5 kéo dài từ bắc đèo Cả đến thị trấn Hương An - Nam Quảng Nam hình thành và được giữ vững mãi về sau.

Ngày 27 tháng 3 năm 1948, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào Thi đua Ái quốc nhằm làm cho “Kháng chiến mau thắng lợi, kiến quốc chóng thành công”. Bác Hồ kêu gọi “Người người thi đua, Ngành ngành thi đua”...

Thực hiện chỉ thị của Đảng và lời kêu gọi của Bác, Hành Trung, Hành Tân dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi ở mọi lĩnh vực. Những thành tích đã có về quân sự, chính trị, về bình dân học vụ... là một cái đà để địa phương đẩy mạnh hơn nữa phong trào Thi đua Ái quốc mọi mặt, nhất là sản xuất nông nghiệp. Phong trào trồng dâu nuôi tằm, trồng bông kéo sợi dệt vải đã góp phần bảo đảm như cầu về mặc. Phong trào tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm cũng ngày càng được nâng cao. Nhờ vậy đời sống của nhân dân đảm bảo no đủ, không những trong suốt những năm kháng chiến không xảy ra nạn đói mà còn đảm bảo đóng đủ đảm phụ phục vụ kháng chiến, góp phần cung cấp lương thực cho các lực lượng kháng chiến và đồng bào từ quê hương khác tản cư đến ở:

- Xưởng quân giới Lý Văn Bé của Quân khu 5 với khoảng 200 người ở thôn Xuân Đình.

- Trường Trung học mang tên Lê Khiết với trên 500 thầy giáo và học sinh chuyển đến (đào tạo học sinh cấp II, cấp III cho cả tỉnh và Liên khu V), sau khi trường bị giặc Pháp ném bom làm chết 1 cô giáo và 18 học sinh tại Sông Vệ ngày 21.3.1949.

- Các đơn vị quân đội Liên khu V thường xuyên đóng quân trên địa bàn xã.

- Xưởng ươm tơ dệt lụa tại bến đò An Chỉ (Đồng Xuân) của Ban kinh tài mậu Khu V, do ông Nghè Diễm làm giám đốc, có ngót 100 cán bộ, công nhân; xưởng may quần áo quân trang đóng tại Thuận Phong cùng với hàng trăm công nhân.
(*)

- Trại tù binh quân khu V.

Sau trận chiến giữa ta và Pháp năm 1948 ở Quảng Nam, Hành Thịnh lại đón 30 hộ gia đình từ hai huyện Duy Xuyên, Đại Lộc với khoảng trên 100 người sơ tán đến ở, giúp dựng nhà, sinh kế, giúp chỗ ăn ở và giúp con cái họ học hành, rất nồng ấm tình đồng bào ruột thịt.

Đặc biệt trong thời gian kháng chiến, các vị lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đã lưu lại xã nhà trong thời gian khá lâu để trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến của toàn miền.

(*) Theo hồi ức của ông Đinh Tiến Lộc, nguyên Phó ban TH tỉnh Lâm Đồng. Nay đã nghỉ hưu, Bí thư chi bộ thôn Thuận Hòa.

Đó là các ông Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Chánh, Huỳnh Ngọc Huệ. Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương đã góp phần bố trí hầm hào, lập phương án bảo vệ, chăm lo ăn ở và tạo những điều kiện thuận lợi, an toàn cho các nhà lãnh đạo cao cấp chỉ đạo kháng chiến.

Để đảm bảo an toàn cho các cơ quan cấp trên, dân quân du kích xã đã góp sức cùng lực lượng công binh Khu 5 đào hầm vào núi, dài hàng ngàn mét, ở núi Giàng, bảo đảm bí mật. Ông Nguyễn Chánh, chính ủy Khu 5 lúc ấy đã đến thị sát và tặng cho dân quân du kích 5 khẩu súng Mút - cờ-tông (một loại súng trường của Pháp).

Hai xã Hành Trung, Hành Tân và sau này là xã Hành Thịnh đã trở thành một căn cứ địa, “đất thánh” của cách mạng. Sự diện diện của các vị lãnh đạo cấp cao, các cơ quan, đơn vị bộ đội, dân chính của tỉnh, của khu trên địa bàn xã nhà đã chứng tỏ niềm tin yêu và sự vững chắc trong phong trào cách mạng ở đây. Đồng thời qua đó, cán bộ và nhân dân địa phương cũng có thêm những điều kiện nâng cao ý thức, tổ chức chính trị của mình, đóng góp vào công cuộc kháng chiến chung.

(Năm 1949, Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô 25%. Năm 1950 có sắc lệnh giảm tức, xóa và giảm nợ của nông dân vay địa chủ. Chấp hành các chỉ thị, chính sách, Hành Trung, Hành Tân tiến hành lập Hội đồng Giảm tô, thực hiện quy chế lãnh canh và xóa bỏ chế độ quá điền - tức số ruộng dư không cho làm rẽ. Hội đồng canh đấu tranh mạnh với một số địa chủ cưỡng lại chính sách của chính phủ, tiếp tục lấy số ruộng đất dư thừa của địa chủ chia cho nông dân. Những việc làm hợp



ÔNG HUỖNH BẢ (BC)
 Bí thư Hành Tân 1946
 nửa cuối 1947
 Chủ tịch Hành Tân 1945



ÔNG HUỖNH KỶ
 Chủ tịch Hành Tân 1947-1950
 và 1976-1977



ÔNG TRẦN QUANG TOÀN
 Bí thư Hành Trung 1946-1947
 Bí thư Hành Thịnh 1949-1950



ÔNG HUỖNH DƯỢC
 Bí thư Hành Thịnh 1950-1951



Nơi đây vườn nhà ông Huỳnh Bá (Đồng Xuân) từng là khu hầm bí mật của vi đại diện Đảng và Chính phủ Phạm Văn Đồng

lòng dân như trên đã góp phần kích thích hơn nữa phong trào thi đua sản xuất. Tháng 2 năm 1950, trong tổng kết phong trào thi đua, cụ Lê Võ người thôn Châu Me được bầu là Chiến sĩ Thi đua của tỉnh vì đã có thành tích tích cực tăng gia sản xuất và đóng góp phục vụ kháng chiến.

(Năm 1950, hai xã Hành Trung, Hành Tân hợp thành xã Hành Thịnh. Cục diện chiến tranh trong cả nước lúc bấy giờ là, sau chiến thắng của ta trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, chiến thắng biên giới thu đông 1950, ta chuẩn bị chuyển sang giai đoạn tổng phản công, địch ngày càng lâm vào thế bị động, lúng túng. Chúng điên cuồng đánh phá vùng tự do.)

(Năm 1950, không quân Pháp đánh phá Hành Thịnh rất ác liệt, bằng nhiều đợt tấn công bom, pháo. Song nhờ phòng tránh tốt, hầm hào công sự đầy đủ nên chỉ có một người chết, các cơ quan đơn vị đứng chân trên đất Hành Thịnh vẫn an toàn.)

Ngày 30.8.1951, Pháp huy động hai nghìn quân đổ bộ đánh chiếm đảo Lý Sơn, trực tiếp uy hiếp vùng ven biển Quảng Ngãi. Tình hình cách mạng thêm khó khăn khi bước vào năm 1952, Quảng Ngãi bị hạn hán, lụt lội, nhiều vùng bị đói nặng, nhất là các xã ven biển hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn. Hành Thịnh được phân công của cấp trên đã tích cực giúp đồng bào Bình Thới, Bình Sơn về gạo, tiền, quần áo, lúa giống... khắc phục hậu quả thiên tai.

(Năm 1953, cuộc chiến bước sang giai đoạn cao điểm. Theo kế hoạch Na-va, ở chiến trường Khu V, quân Pháp thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ vùng tự do. Về phía ta cũng chuẩn

bị đánh địch ở Tây nguyên nhằm phá tan âm mưu “bình định” của địch.

(Trong mưu đồ đánh phá để tiến chiếm vùng tự do, biết Hành Thịnh là căn cứ cách mạng nơi dự trữ lương thực, kho tàng, vũ khí...) một lần nữa thực dân Pháp lại dùng máy bay khu trục đến oanh tạc kéo dài trong nhiều ngày. Địch đánh phá đoạn đường sắt và cầu sắt Đá Hai - Sông Vệ (Hành Phước), cầu sắt sông Thoa (Đức Hòa) và đánh triệt hạ nửa xã Hành Thịnh, từ Mỹ Hưng đến Xuân Đình. Nhà cửa, vườn tược, cây cối dọc theo các thôn Mỹ Hưng, Đồng Xuân, Ba Bình, Xuân Đình hầu như bị phá sạch, các bờ xe nước cũng bị ném bom cho hư hại. Hàng chục người dân bị chết. Đây là cuộc đánh phá ác liệt nhất của Pháp đối với Hành Thịnh, tổn thất về người và của là chưa từng có trước đó. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh và huyện, (Hành Thịnh đã thực hiện vườn không nhà trống, ban ngày toàn thể nhân dân kéo vào các đồi núi phía tây xã lánh nạn, đêm đến mới lục tục kéo nhau về làng. Nhân dân vẫn thực hiện khẩu hiệu “không biết, không thấy, không nghe” để bảo vệ an toàn cho các cơ quan, đơn vị, kho tàng của cách mạng trước bọn thám báo địch luôn rình mò.)

Vượt lên những đau thương mất mát vô cùng lớn lao, quân dân Hành Thịnh đã có những đóng góp khá nổi bật trong giai đoạn cách mạng quan trọng này.

(Thời gian này có các công tác lớn là: rèn cán luyện quân, thực hiện chính sách “người cày có ruộng”, tăng cường lực lượng sẵn sàng phục vụ kháng chiến, lấy xã làm pháo đài, mỗi thôn là một tổ tác chiến. Cán bộ đều phải dự các lớp chính huấn 2 - 3 tháng. Tổ chức thì gọn, nhẹ. Lực lượng bán vũ trang của

xã thường xuyên luyện tập và sẵn sàng đi phục vụ các chiến trường. Nhiều thanh niên Hành Thịnh tiếp tục tòng quân đi tham chiến ở các chiến trường Tây nguyên, cực nam Trung bộ, Campuchia và Lào. Võ Đại Hơn và nhiều chiến sĩ khác đã ngã xuống chiến trường, nêu cao tinh thần chiến đấu bất khuất của Hành Thịnh. Các trung đội dân quân Hành Thịnh thay phiên nhau tham gia chiến trường Tam Kỳ và Duy Xuyên (Quảng Nam) do Quân khu tổ chức, qua đó cũng để thử thách, tôi luyện tinh thần, rút kinh nghiệm để sẵn sàng tiến hành chiến tranh du kích một cách có hiệu quả nếu địch đánh lấn vào địa bàn xã nhà.

(Chấp hành Nghị quyết của Đảng đánh địch khắp trong nước mà chiến dịch đánh Điện Biên Phủ là chiến dịch lớn nhất và là chiến trường chính, “trong đông-xuân này, Liên khu 5 cần phải tập trung lực lượng tiến công lên Tây nguyên”, Hành Thịnh còn tổ chức 2 đại đội Dân công đặc biệt tham gia đoàn Dân công đặc biệt của toàn huyện. Đoàn dân công đặc biệt này có nhiệm vụ vận chuyển vũ khí phục vụ chiến trường, trong đó cứ 3 người thì có 2 người khiêng vũ khí, 1 người mang theo gạo nước, tư trang cho cả 3. Mỗi khiêng vũ khí nặng khoảng 60-70 kg, đường xuyên rừng mới phát dọn, lên xuống dốc, nhiều lúc phải đi trong mưa gió, vượt qua các đèo dốc hiểm trở như Dốc Ui, Dốc Cúm để phục vụ các trận đánh Măng Đen, Măng Bút, Com Rẫy... Đoàn Dân công đặc biệt này lần lượt đi thành nhiều đợt, mỗi đợt ngót nghét 2, 3 tháng. Hành Thịnh đã vận động nhiều đợt dân công tương tự để phục vụ các chiến trường.)

Trong thời gian này, Hành Thịnh cũng đã thực hiện xóa bỏ chế độ quá điền của địa chủ, phú nông; nông dân được truy lại số ruộng cày thuê; thực hiện giảm tô, tổ chức cho dân vạch tội địa chủ, cường hào gian ác... thực hiện người cày có ruộng; thực hiện thuế nông nghiệp, đóng góp được từ 350 - 550 tấn lương thực phục vụ chiến trường.)

⇒ Tóm lại trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ, tuy không mất đối mặt với kẻ thù ngay trên quê hương của mình, nhưng Hành Thịnh đã vượt qua được những khó khăn rất lớn trong đời sống và sản xuất của chính mình, do thiên tai địch họa gây ra, để tự mạnh lên về mọi mặt, vươn ra phục vụ tích cực cho các chiến trường, góp phần đánh bại âm mưu của thực dân Pháp tái chiếm đóng và thống trị nước ta. Người dân Hành Thịnh tự hào vì những đóng góp tích cực của mình vào cuộc kháng chiến của huyện, của tỉnh, của Khu và của toàn dân tộc kết thúc bằng trận thắng lịch sử Điện Biên Phủ tháng 5.1954 và việc ký kết Hiệp định Giơnevơ 1954.

Kế tục cuộc đấu tranh tích cực trong giai đoạn 1930-1945, Hành Thịnh đã giữ vững chính quyền do nhân dân góp sức xây dựng nên và đã phát triển về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thực hiện đường lối kháng chiến "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh" do Đảng đề ra đạt kết quả tốt, dần dần trở thành một hậu phương vững chắc, một căn cứ địa của cách mạng.

Tổ chức Đảng của Hành Thịnh đã không ngừng lớn mạnh để lãnh đạo nhân dân xã nhà đóng góp vào công cuộc kháng chiến của dân tộc. Nếu như năm 1946 mới chỉ có một chi bộ

với rất ít Đảng viên thì đến năm 1950 số lượng Đảng viên đã lên tới 188 người (*) gồm nhiều chi bộ. Toàn xã có Đảng bộ chịu trách nhiệm lãnh đạo chung. Sự trưởng thành về tổ chức cách mạng phản ánh sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, ngược lại sự trưởng thành của tổ chức cách mạng càng thúc đẩy phong trào cách mạng tiến lên. Mặt khác, chính quần chúng tốt cũng có tác dụng thúc đẩy đảng viên, cán bộ vươn lên hoàn thành các nhiệm vụ nặng nề của mình.

Trong thời luyện vô cùng gian khổ của 9 năm kháng chiến chống Pháp, với những thành tích khá nổi bật, Hành Thịnh đã thực sự trưởng thành, người sáng tấm lòng thủy chung với Cách mạng, với Đảng.

Chính những thành tích mọi mặt của Hành Thịnh trong 9 năm kháng chiến là nền tảng để về sau, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ vô cùng ác liệt, đối diện thường xuyên với kẻ địch ngay trên đất đai của mình, Hành Thịnh nổi lên như một trong những địa phương sáng ngời phẩm chất anh hùng cách mạng của huyện Nghĩa Hành và của tỉnh Quảng Ngãi.

Nhiều cán bộ, bộ đội Hành Thịnh đã tập kết ra Bắc theo các điều khoản của hiệp định Giơ-ne-vơ để bảo tồn lực lượng, để học tập, vươn lên phục vụ cho nhu cầu mới của đất nước.

(*) Theo tài liệu của ông Huỳnh Dực. Theo ông Đinh Tiến Lộc (thôn Thuận Hòa) thì con số này còn cao hơn nhiều.

IV- HÀNH THỊNH TRONG 21 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

1- HÀNH THỊNH TRONG THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG XÃ NHÀ (1954-1965):

Hành Thịnh là mảnh đất giàu truyền thống kháng chiến, có nhiều người đi tập kết ra Bắc, bởi vậy đã trở thành một trọng tâm đánh phá quyết liệt của Mỹ - Diệm sau 1954.

Ngay từ khi cán bộ, bộ đội ta còn đang chuyển quân tập kết, địch đã hình thành bộ máy chính quyền mang tính chất phát-xít của chúng: ở xã có đại diện xã, ở ấp (thôn) thì có ấp trưởng, liên gia trưởng, cầm nắm dân rất chặt. Về quân sự thì ở xã có một trung đội bảo an (sau này là địa phương quân), một tiểu đội dân vệ (sau này là nghĩa quân), có mật thám và cảnh sát theo dõi kiểm soát đến từng nhà, từng người. Về đoàn thể, chúng đặt ra Tập đoàn Công dân và Phong trào Cách mạng Quốc gia. Về đảng phái, chế độ Diệm lập ra Đảng Cần lao Nhân vị. Cũng nằm trong âm mưu xóa dấu vết cách mạng, Hành Thịnh chúng đặt tên là Nghĩa Thành và các thôn được đổi lại là ấp. Ngay từ khi mới hình thành bộ máy, địch đã tiến hành khủng bố. Những đảng viên cộng sản ở lại đi tập kết sau liền bị truy nã. Những người ở lại liền bị vây bắt, thủ tiêu. Ông Đỗ Hịch người thôn Xuân Ba, ông Hòa Minh người thôn Thuận Hòa bị địch bắt vào ban đêm, bị tra tấn dã man, rồi dụ dỗ, nhưng các ông đều giữ vững phẩm chất cách mạng. Địch bèn bí mật đưa vào núi thủ tiêu không cần

chứng cứ, phao tin rằng các ông đã trốn thoát. Ông Võ Thục Dực người thôn Thuận Hòa bị địch bắt đưa xuống trường học Ba Bình, treo ngược lên xà nhà tra tấn, ông quyết không khai, liền bị đánh đến chết. Các gia đình cán bộ cách mạng, những người có chồng, con, anh em tập kết hoặc bị tình nghi có dính líu với cách mạng đều bị quản thúc, bắt ngủ tập trung vào ban đêm, bắt canh gác, trình diện ở xã, quận. Nhiều gia đình trong số đó đã bị tra tấn đánh đập hết sức tàn nhẫn, không ít người lâm vào cảnh khổ đau vì tàn tật, bệnh hoạn. Thâm độc hơn, kẻ địch còn giở thủ đoạn dụ dỗ, lừa phỉnh, cưỡng hiếp phụ nữ có chồng đi tập kết, khiến không ít người lâm vào cảnh cơ hàn đau đớn vì không còn giữ được sự thủy chung với chồng.

Tình hình càng thêm ngột ngạt khi chế độ Ngô Đình Diệm đưa ra luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, lê máy chém khắp miền Nam và thực hiện quốc sách “Áp chiến lược”, đắp bằng hào sâu chông nhọn, dây kẽm gai, răn đe phong trào cách mạng trong nhân dân và ngăn cách nhân dân với cách mạng. Về chiến tranh tâm lý, địch luôn răn đe, hù dọa bằng lưỡi lê, máy chém, súng đạn, tuôn những luận điệu tuyên truyền rằng Mỹ giàu, Mỹ mạnh, Việt cộng đã dang sơn, tái kết. Địch còn tổ chức buộc cán bộ cũ phải ly khai Đảng, bắt gia nhập “phong trào cách mạng Quốc gia” và đảng “Cần lao nhân vị” của chúng.

Ở Hành Thịnh, “Áp chiến lược” được kéo dọc toàn xã, ngăn cách xóm làng với đồng ruộng và rừng núi. Địch buộc mọi người dân phải đào hào, chặt tre rào vi, vót chông cắm dày dưới hào, phải thay phiên nhau canh gác hằng đêm ở các

chòi canh. Chúng lừa dân lập ấp. Trong các năm từ 1954 đến năm 1959, địch đã bắt và quản thúc, giam cầm hàng ngàn người dân vô tội. Có thể nói, trong những năm tháng ấy, đối với Hành Thịnh và vùng kháng chiến cũ nói chung, kẻ địch không từ một thủ đoạn nào để đàn áp nhân dân, gây biết bao cảnh đau thương, tang tóc, tất cả là để củng cố, tăng cường sự thống trị của chúng và tiêu diệt phong trào cách mạng từ trong mầm mống.

Cuối năm 1963, bọn tướng tá Sài Gòn tiến hành lật đổ Ngô Đình Diệm. Diệm đổ, địch chuyển sang chính quyền quân quản, đưa bọn sĩ quan hung hăng lên nắm chính quyền ở xã, ấp. Bộ máy quân sự được tăng cường. Tình hình ở Hành Thịnh càng bị o ép khốc liệt hơn.

Nhân dân ta đã phải sống trong cảnh cá chậu chim lồng. Hơn bao giờ hết, trong những năm tháng ngặt nghèo này, tấm lòng của nhân dân với Đảng và cách mạng thêm ngời sáng. Nhân dân Hành Thịnh đã tỏ rõ tinh thần bất khuất, thà chết chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ và với một trí tuệ sắc sảo, bẻ gãy mọi âm mưu của kẻ thù.

Năm 1956, trong cuộc cấm trại do Tập đoàn Công dân toàn quận (tức huyện) Nghĩa Hành tổ chức, ông Võ Duy Thịnh (một đảng viên Cộng sản mà địch cho rằng có thể tranh thủ được vì xuất thân từ tầng lớp trên) đã khôn khéo vạch trần bộ mặt lai căng, bán nước của địch. Từ năm 1955-1956 ở Hành Thịnh đã nhen nhóm phong trào cách mạng. Sau khi 3 cán bộ đảng viên cộng sản bị thủ tiêu và tra tấn đến chết, tinh thần cách mạng của nhân dân vẫn không hề giảm sút. Những tờ truyền đơn yêu nước đầu tiên đã được tung ra tại Xuân

Đình và lần lượt ở các thôn khác trong xã. Trong công cù, kìm kẹp của địch, nhân dân đã đấu tranh chính trị bằng nhiều hình thức sinh động: Tổ chức lãn công trong đào và rào “Áp chiến lược”, tiến đến phá hỏng và đốt cháy từng đoạn. Ban đầu đây là việc làm tự giác của đồng bào một số nơi ở Thuận Phong, Hòa Huân, Châu Me (các ấp xa nhất của xã và tiếp giáp với núi) sau này trở thành phổ biến ở các thôn ấp khác. Nhân dân đã hàng trăm lần đốt phá rào vi, lấp hàng trăm mét “Áp chiến lược”, tạo điều kiện cho Đội công tác huyện ra vào hoạt động dễ dàng. Chị em phụ nữ mỗi khi biết địch định cưỡng hiếp ai, cùng nhau kéo đến đấu lý với địch, che chở nhau lúc bị đánh đập, dìu dắt nhau về. Cụ Lê Tuyên (thôn Châu Me) đấu tranh chính trị mềm dẻo với địch, ngăn không cho địch đốt nhà, bọn địch đã bắn chết cụ, đã man hơn, còn ném cụ vào đồng rơm thiêu xác. Lợi dụng các cuộc mít-tinh do địch tổ chức, quần chúng tố cáo các hành động cướp giết, cưỡng hiếp, bắn giết của bọn ác ôn đồng thời vạch trần những khẩu hiệu lừa bịp, xé bỏ truyền đơn, các bảng danh sách ứng cử, tìm cách không bỏ phiếu, vạch trần tính chất lừa bịp trong luật bầu cử của địch... Để tạo thế đấu tranh hợp pháp và tổ chức được lực lượng đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh, các ông TrầnBAT Tụy, Trần Đức Dung ở An Ba, ông Huỳnh Quang Phổ ở Xuân Đình dựa vào phong trào Phật giáo đang phát triển ở khắp nơi, đứng ra lập hội, kết nạp Phật tử, tổ chức cho quần chúng tham gia các hoạt động chống lại các chủ trương của chính quyền Diệm. Phong trào tập hợp được đông đảo quần chúng đấu tranh có tổ chức, có mục tiêu rõ rệt hơn. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh với bọn cầm quyền xã năm

1961 tại An Ba, các thủ đoạn gian ác như cướp bóc, chiếm đoạt của cải, cưỡng hiếp phụ nữ... đều bị bóc trần. Những người phụ nữ bị cưỡng hiếp cũng đứng ra kể từng tội của địch. Quần chúng trút ra được những căm uất bấy nay của mình. Bọn nguy quyền hoảng sợ né tránh, có tên phải trốn chạy đến nơi khác. Bộ máy kèm kẹp lung lay rệu rã dần cho đến khi Ngô Đình Diệm đổ. Bọn binh lính lên nắm quyền, hung hăng dữ tợn hơn, vừa nói vừa giơ súng đạn, bắn giết đánh đập khốc liệt hơn, nhưng mặt khác chúng không quen việc hành chính, không luôn được sâu vào quần chúng, không tổ chức được việc quản lý chặt chẽ như cũ. Đây là cơ hội tốt để xây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức lực lượng du kích, tiến đến đấu tranh vũ trang.

Về mặt đấu tranh vũ trang, phải kể là từ năm 1959 đã có những người sớm giác ngộ cách mạng, ra đi hoạt động giải phóng quê hương, bất chấp sự truy nã của địch đối với bản thân và sự khủng bố đối với gia đình mình. Qua bà Cao Thị Cam Lộ (người thôn Xuân Đình, theo chồng về Đức Phổ), ông Nguyễn Chính (người thôn Mỹ Hưng) vào Đức Phổ bắt liên lạc với cách mạng, về tham gia Đội Công tác huyện, trở thành cán bộ thoát ly đầu tiên của toàn xã. Cơ sở cách mạng dần dần được gây dựng, thu hút nhiều bà con trong xã như bà Đinh Thị Nho, các ông Nguyễn Tuấn, Đoàn Vọng, Nguyễn Văn Tuấn (Xuân Đình), bà Nguyễn Thị Quảng (Mỹ Hưng). Tiếp sau ông Nguyễn Chính, 3 người khác tiếp tục thoát ly làm cách mạng là các ông Huỳnh Cửu, Nguyễn May (Thuận Hòa),

Trần Cự (Xuân Đình). Năm 1960, nhiều người khác trong xã tiếp tục ra đi làm cách mạng. Năm 1963 bốn thiếu niên ở Xuân Đình là Phạm Nguyên, Nguyễn Bảo, Nguyễn Hà, Huỳnh Hưng thoát ly gia đình tham gia vào Đội Công tác huyện.⁽¹⁾ Đây là những người con ưu tú của quê hương, dám nghĩ, dám làm, dám hy sinh gia đình và bản thân cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Là một mảnh đất tốt, khi có dấu chân cách mạng thì phong trào cách mạng liền bén rễ. Nhân dân Hành Thịnh đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ cách mạng. Cao điểm là từ năm 1959, nhân dân đã lén tiếp tế từng lon gạo, từng nắm muối, từng chai nước mắm, nắm cơm, gói thuốc, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, cho cán bộ cách mạng. Việc tiếp tế, ủng hộ của nhân dân Hành Thịnh được nguy trang dưới nhiều hình thức phong phú không ngờ, như dưới dạng đi làm rẫy, đi làm đồng, giấu đồ tiếp tế trong quảy phân, bầu nước, trong gói cơm, nồi cháo... khiến kẻ địch khó lòng phát hiện được. Khi kẻ địch có ý nghi ngờ thì nhân dân liền trá hình bằng cách khác, quyết không để cán bộ cách mạng phải thiếu đói, trông chờ. Đây là những món quà ít ỏi nhưng nặng tình. Trong thời gian này đã có hàng trăm người dân tham gia tiếp tế với hàng ngàn lần tiếp tế như vậy.

(1) Theo hồi ức của các ông Nguyễn Văn, Nguyễn Văn Tuấn.

Công tác liên tục, gây dựng cơ sở và làm cơ sở trong những năm tháng ấy hết sức nguy hiểm song đã có nhiều người dân dũng cảm tham gia một cách tích cực và có hiệu quả, như các gia đình Lê Sát, Huỳnh Thị Rầy, Nguyễn Kiên, Nguyễn Thìn, Phan Thị Diên, Phạm Hà (Mỹ Hưng) v.v... Trong đó có những em bé chần trâu mới 13, 14 tuổi cũng tham gia làm liên lạc, đem tin tức, báo cáo tình hình địch cho cách mạng, đem thư từ, truyền đạt tài liệu của cách mạng cho cơ sở. Danh sách bọn tề nguỵ ác ôn trong xã cũng được các cơ sở cách mạng báo cáo một cách chính xác, kịp thời. Các cơ sở cách mạng đã bằng mọi cách che giấu cán bộ xâm nhập vào bên trong “Áp chiến lược” để hoạt động cần phải ở lại, hoặc phải nằm lại trong nhà dân giữa ban ngày vì bị thương. Bà con đã đem đường, sữa, thuốc men đến nuôi nấng, chăm sóc, bảo vệ được an toàn và bí mật. Việc tham gia làm liên lạc, làm cơ sở cho cách mạng đã thu hút nhiều thành phần, giới tính và tuổi tác, đặc biệt có những người già, phụ nữ và thiếu niên.

Tính riêng trong giai đoạn 1954-1965, nhân dân Hành Thịnh đã ủng hộ cho cách mạng tổng giá trị khoảng 20 tấn lúa, có đến trên 100 người dân tham gia làm giao liên, làm cơ sở mật cho cách mạng, đã che giấu bảo vệ cán bộ hàng trăm lần, trong đó giấu ban ngày khoảng 15 lần trong những trường hợp cần kíp.

Cơ sở đã phát triển, lực lượng bán vũ trang đã hình thành, Đội công tác Hành Thịnh cũng được thành lập. Cùng với Đội

Công tác huyện, Đội Công tác xã Hành Thịnh đã hoạt động khá tích cực và đạt được nhiều kết quả tốt.

Cũng cần kể thêm, khi đường mòn Hồ Chí Minh được khai thông, từ tháng 5.1959, đảng viên, cán bộ Hành Thịnh tập kết ra Bắc đã vượt Trường Sơn hàng ngàn km để trở về tham gia chống Mỹ cứu nước ở khắp các chiến trường miền Nam như Trần Văn Năng, Trần Dậu, Huỳnh Du... và nhiều người khác, trong số đó không ít người đã ngã xuống vì miền Nam thân yêu.

Trong công tác diệt ác phá kềm 1960-1964, ở Hành Thịnh đã diệt được một số tên ác ôn, nhiều lần phối hợp giữa lực lượng nhân dân bên trong và Đội công tác bên ngoài đánh vào các cơ quan đầu não của địch. Đáng kể có hai trận đánh táo bạo, bất ngờ. Trận thứ nhất là cuối năm 1963, ta đánh vào khu trung tâm cơ quan xã của ngụy, tiêu diệt được một số tên, phá hủy một số phương tiện cơ quan, thu được một số tài liệu và vũ khí. Địch bị đuổi từ trụ sở xã xuống ẩn núp ở trại "Tận dụng" (tận dụng nước sông Vệ chảy vào sông Thoá, giữa hai xã Hành Thịnh và Đức Hiệp). Không bỏ lỡ cơ hội, ngay trong đêm đó, Đội Công tác Mộ Đức liền tập kích phối hợp, tiêu diệt một số tên địch. Trong năm 1964, nhờ đồng bào che chở tốt, Bộ đội tỉnh phối hợp với Đội Công tác huyện và đội du kích xã đã bất ngờ xuất kích đánh đại đội bảo an do tên Thắng chỉ huy tại cơ quan xã, và chủ yếu là ở Ba Bình và Trắng Quế Xuân Đình. Trận đánh được thực hiện ngay

giữa ban ngày. Đại đội Bảo an có trang bị đầy đủ vũ khí, khí tài bị thiệt hại nặng. Khoảng một trung đội địch bị tiêu diệt. Các trận đánh nói trên và việc diệt ác phá kềm của Đội công tác đều có sự tham gia tích cực của các cơ sở mật và đồng bào Hành Thịnh. Nhân dân đã trực tiếp mở đường, che giấu cán bộ, bộ đội, tạo điều kiện cho lực lượng ta đánh trúng, đánh đau, tiêu diệt địch nhanh gọn, hạn chế thương vong.

Ở Hành Thịnh, sau hai trận đánh bất ngờ, táo bạo của ta trong hai năm 1963, 1964, kẻ địch đã tỏ ra rất khiếp sợ. Bọn nguy quyền về đêm phải trốn chui, trốn nhủi. Ban đêm ta làm chủ hoàn toàn. Riêng thôn Châu Me, được sự hỗ trợ của Đội Công tác, đã nổi dậy giải phóng từ tháng 10-1964, xây dựng chính quyền, lực lượng vũ trang, đào công sự bố phòng (*). Châu Me đã dùng áp chiến lược của địch đánh địch, bẻ gãy 2 trận càn, đến tháng 11.1964, địch liếp lại. Cán bộ ta phải lánh sang thôn Bồ Đề (xã Đức Phú) lánh giềng, tranh thủ vót chông, làm cạm bẫy, hằng ngày bám về, quần thảo với địch. Địch tập kích sang Bồ Đề, nhưng cán bộ ta đều thoát được, vượt qua đèo Đồng Ngõ lên Hành Tín. Ông Lê Hoàn, Bí thư Huyện ủy lúc bấy giờ, phân công một số người ở lại công tác tại huyện, một số trở về Đội Công tác xã, để tăng

(*) Theo cán bộ và nhân dân Châu Me, thì ban khởi nghĩa hồi đó có các ông Nguyễn Tấn Diên, Tấn Bích, Tấn Tuấn, Tấn Chũ, Tấn Tám, Tấn Hòa, Tấn Kế, Lê Kích, Lê Hùng, Lê Thanh Trang, Lê Nhẫn. Đoạn tư liệu này do bà con Châu Me cung cấp.

thêm lực lượng cho các thôn trong xã. Dịch đốt nhà bà Lê Thị Thuận (Bình), nơi hội họp của cán bộ, thẳng tay bắn giết hàng chục người dân. Nhưng tinh thần bất khuất của thôn Châu Me đất rộng người thưa đã có tác dụng cổ vũ rất lớn đối với nhân dân toàn xã. Châu Me trở thành một trong những bàn đạp để tiến lên giải phóng toàn xã về sau.

Hòa cùng phong trào tiến công và nổi dậy cướp chính quyền của nhân dân khắp nơi trong tỉnh, ngày 30.5.1965, được sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, huyện, Đội Công tác và đội du kích xã cùng 5.000 dân xã Hành Thịnh đã đồng loạt nổi dậy tiến công địch, cướp chính quyền. Bọn địch hốt hoảng bỏ chạy tháo thân. Xã nhà được hoàn toàn giải phóng. Hệ thống chính quyền từ xã ấp đến liên gia do địch tốn nhiều công sức gây dựng trong 10 năm trời đã bị đập tan trong thoáng chốc. Từ đây, nhân dân Hành Thịnh đã thoát khỏi xiềng gông siết chặt mình trong suốt 10 năm, tự làm chủ vận mệnh của mình. Đó cũng là cái mốc đánh dấu sự khởi đầu của một quá trình đấu tranh gay go quyết liệt, hy sinh gian khổ hơn, đồng thời cũng ngời sáng tinh thần kiên cường bất khuất.

Ngay sau khi giải phóng, chính quyền cách mạng đã được thành lập. Bà con động viên con em đi bộ đội, tham gia du kích xã, thôn để góp phần đánh giặc giữ làng. Các đoàn thể quần chúng như Hội thanh thiếu niên, Hội Mẹ binh sĩ, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ ... được hình thành. Đội ngũ cốt cán của xã tuy mới chỉ có hai, ba đảng viên hợp thành một chi

bộ, nhưng đã ra sức lãnh đạo nhân dân củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ của mình. Chính quyền cách mạng vận động toàn dân rào làng chiến đấu, đào giao thông hào, hầm địa đạo, phụ nữ nuôi du kích, củng cố máy nước, bờ xe để tăng gia sản xuất, lập “hũ tiết kiệm” để nuôi du kích, xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của bọn địa chủ, ác ôn.

Tóm lại, trong thời kỳ 1954-1965, thời kỳ đấu tranh chính trị, chịu đựng là chủ yếu, đấu tranh vũ trang mới khởi đầu, nhân dân Hành Thịnh đã phải chịu đựng rất nhiều đau thương tang tóc của kẻ địch gây ra. Biến đau thương thành hành động cách mạng, nhân dân Hành Thịnh không chịu khuất phục, đã tích cực hoạt động, lập nên nhiều thành tích mà kết quả cuối cùng là xã nhà đã hoàn toàn giải phóng.

2. HÀNH THỊNH TRONG THỜI KỲ CHỐNG TÁI CHIẾM, GIỮ VỮNG TỰ DO VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG 1965-1975:

Xã Hành Thịnh giải phóng trong bối cảnh Mỹ-Ngụy sắp thất bại trong chiến lược Chiến tranh Đặc biệt của chúng. Vùng giải phóng ở miền Nam nói chung và ở Quảng Ngãi nói riêng đã được mở rộng. Song với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, kẻ địch không dễ gì chịu thua. Bằng phương tiện chiến tranh dồi dào và hiện đại, Mỹ-Ngụy đã đẩy cuộc chiến lên mức độ khốc liệt chưa từng có với các chiến lược Chiến tranh Cục bộ và Việt Nam hóa chiến tranh, với các kiểu đánh phá tinh vi, xảo quyệt gấp bội lần.

Như đã nói, Hành Thịnh có một tầm chiến lược đặc biệt, có đường giao thông thủy bộ liên hoàn từ vùng căn cứ cách mạng phía tây xuống, từ vùng địch phía đông lên, từ tây quốc lộ sang đông quốc lộ, có thể đi đông Mộ Đức, đông Tư Nghĩa, thậm chí đi đông Sơn Tịnh, đông Bình Sơn. Hành Thịnh là cửa khẩu quan trọng thu hút nhiều lương thực, thực phẩm, hàng hóa phục vụ kháng chiến, cung ứng cho các huyện miền núi trong tỉnh và một phần cho hai tỉnh Gia Lai, Kon Tum. Địch rất lo sợ nên chúng tập trung đánh phá Hành Thịnh ngày một khốc liệt, với các cuộc hành quân càn quét trên quy mô lớn, với các chi khu quân sự Nghĩa Hành ở phía tây bắc, Mộ Đức ở phía đông nam, đồn Quán Lát ở hướng đông bắc và nhiều đồn bót khác.

Thực hiện “Bình định Nông thôn” nhằm chiếm lại vùng giải phóng, với chính sách hai gọng kìm (“Tìm diệt và bình định”) và ba sạch (“đốt sạch, phá sạch, giết sạch”), trong chiến dịch mùa khô 1965-1966 của địch, địch đã dùng bom pháo từ máy bay, từ các chi khu quân sự và đồn bót ở chung quanh dội tới Hành Thịnh. Đã có hàng chục lần địch dùng bộ binh và xe tăng càn quét, hàng trăm lần ném bom bắn phá bừa bãi vào làng. Hậu quả là ở Hành Thịnh, ruộng vườn, làng mạc đều bị đốt trụi. Nhiều người, nhiều gia đình không chịu nổi bom đạn và sự bức bách của địch đã phải ly tán hoặc bị dồn vào các khu đồn Phú Bình, Xóm Xiếc (Nghĩa Hành) Mộ Côi (Mộ Đức)... Thiệt hại về người và của rất lớn. Sự đánh

đập, bắt bớ, tra tấn của địch đối với nhân dân bám trụ lại vùng giải phóng là việc xảy ra như cơm bữa. Bom pháo địch dội xuống ngày đêm làm chết và bị thương nhiều người. Đặc biệt có lần địch ném bom làm chết gần 10 người gia đình bà Tòa ở thôn Mỹ Hưng. Địch đã đốt cháy hàng ngàn ngôi nhà, xúc đi hàng trăm tấn lúa, bắn giết nhiều trâu bò, súc vật, nhiều nhất là ở đồng Ba Gò với hàng nghìn con.

Nhưng võ quýt dày có móng tay nhọn. Quân dân Hành Thịnh đã ngoan cường chiến đấu, giữ vững những thành quả cách mạng của mình. Tháng 2 năm 1966, địch điều động tiểu đoàn 1 trung đoàn 4 và một đại đội bảo an tràn vào Hành Thịnh, thực hiện kế hoạch “tìm diệt và bình định” của chúng. Bọn lính đi tới đâu, liền đốt tre, phát quang tới đó. Địch qua khỏi đập Bến Thóc, kéo qua An Ba, tiếp tục tiến đến núi Nhà và Đồng Thóc. Kẻ địch không vấp phải sự chống trả nào nên chúng tưởng đã an toàn thực thi sứ mệnh, không ngờ chúng đã lọt cả đội hình vào vòng phục kích của ta. Tiểu đoàn 83 của tỉnh và dân quân du kích địa phương đồng loạt nổ súng. Bằng lối đánh bất ngờ, các cánh quân ta xuất kích chặn đầu khóa đuôi, sau vài ba giờ chiến đấu đã tiêu diệt cả tiểu đoàn địch giữa ban ngày, bẻ gãy hoàn toàn cuộc tràn quét của chúng. Ta thu được 120 khẩu súng các loại. (*)

(*) Theo sách *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)* - NXB Tổng hợp và BCHQS Nghĩa Bình, 1988.

Có thể nói đây là trận thắng vẻ vang đầu tiên trên đất Hành Thịnh và được gọi là "Chiến thắng Hành Thịnh 1".

Chưa đầy năm tháng sau, đêm 11.5.1966, ngay sau khi tấn công địch ở Gò Gấm (Cấm Ma Gia, Thi Phổ), tiểu đoàn 83 của Tỉnh rút về Hành Thịnh nghỉ ngơi nhưng vẫn triển khai đội hình đóng quân theo phương án chiến đấu: Đại đội 1 đóng ở Mỹ Hưng, đại đội 2 đóng ở Cấm Ông Thi (tây nam xã), Đại đội 3 đóng ở Xuân Đình (tây bắc xã) và có một tổ chốt ở Núi Ngang; Đại đội 4 hỏa lực đóng ở Đồng Xuân. Tiểu đoàn bộ và Ban chỉ huy đóng ở Ba Bình, khoảng giữa xã. Bị đánh đau ở Gò Gấm và phát hiện lực lượng ta ở Hành Thịnh, sư đoàn 2 Ngụy liền tổ chức cuộc hành quân lên Hành Thịnh nhằm bao vây tiêu diệt tiểu đoàn 83 của ta.

Địch đã sử dụng một lực lượng và hỏa lực mạnh bao gồm toàn bộ trung đoàn 4 sư đoàn 2, tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến (lực lượng tổng dự bị của quân Ngụy từ Sài Gòn mới ra) và 2 đại đội bảo an của tiểu khu Quảng Ngãi. Có 22 máy bay trực thăng chở quân, 4 trực thăng vũ trang, 4 máy bay phản lực, 2 chi đoàn xe bọc thép gồm 22 chiếc. 5 khẩu pháo ở núi Vom (Đức Hiệp), pháo ở đồn Gò Sắt (Mộ Đức), quận lỵ Nghĩa Hành và quận lỵ Minh Long đã được huy động trực tiếp chi viện.

Từ 6 giờ sáng ngày 12.5.1966, địch cho máy bay do thám và khống chế bầu trời Hành Thịnh. Các trận địa pháo nổi

tiếp bằng việc bắn cấp tập ở các địa điểm đông tây nam bắc Hành Thịnh để dọn đường. Tiếp đó địch dùng 22 trực thăng có máy bay vũ trang yểm trợ chở tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến đổ xuống Thuận Hòa, làm lực lượng chính từ hướng tây đánh xuống. Một tiểu đoàn của trung đoàn 4 đổ xuống Gò Mít ở hướng tây nam xã; một tiểu đoàn khác đổ xuống núi Nhà, núi Rổ từ hướng tây nam đánh ra. Hai tiểu đoàn khác có xe tăng yểm trợ từ quốc lộ 1 hướng đông đánh lên. Ở hướng bắc có hai đại đội bảo an chốt giữ tại xã Hành Phước, chặn đứng đường quân ta rút lui qua sông Vệ. Như vậy kẻ địch đã quyết tâm tiêu diệt tiểu đoàn 83 ở Hành Thịnh.

Đứng trước tình thế cam go đó, với sự góp sức của đội du kích và đồng bào Hành Thịnh, tiểu đoàn trưởng Phạm Văn Trinh và Ban Chỉ huy tiểu đoàn 83 đã hạ quyết tâm tiêu diệt địch và lên phương án tác chiến. 8 giờ sáng, địch bắt đầu tấn công. Đầu tiên là tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến từ Thuận Hòa tiến xuống đã bị đại đội 3 của ta mai phục đánh thốc từ sau lưng, đại đội 2 từ phía nam tiến ra, tiêu diệt hoàn toàn. Bọn địch ở các hướng đành bó tay không ứng cứu được. Đến 14 giờ 30 phút, cánh quân địch từ núi Rổ, núi Nhà có xe tăng yểm trợ từ hướng đông nam kéo lên cũng bị đại đội 4 hỏa lực của ta đánh bật trở lại, khiến máy bay địch phải nhào tới ném bom bắn phá ở Hồ Cau, Núi Giàng, chặn đường xuất kích của ta. 16 giờ, địch cho 22 xe tăng có bộ binh đi cùng từ Mộ Đức kéo lên tiếp viện cũng bị đại đội 4 bắn cháy 4 xe tăng,

đoàn xe tăng và bộ binh hốt hoảng bỏ chạy. Trận đánh diễn ra suốt 12.5.1966 với kết quả là toàn bộ tiểu đoàn 5 thủy quân lục chiến địch bị tiêu diệt với 500 quân và 8 cố vấn Mỹ. Ta bắt sống 2 sĩ quan, thu 100 súng các loại, bắn rơi 1 máy bay, bắn cháy 4 xe tăng.

“Với lực lượng 1 chọi 5, từ thế bị động chuyển sang chủ động, tiểu đoàn 83 cùng lực lượng vũ trang du kích và nhân dân địa phương đã đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân càn quét lớn của địch. Chiến thắng Hành Thịnh biểu hiện sự trưởng thành lớn mạnh cả về chiến thuật và kỹ thuật, tinh thần dũng cảm, mưu trí, linh hoạt, táo bạo, dám đánh và quyết đánh thắng, dù quân địch đông gấp bội... Lần đầu tiên trên chiến trường Khu 5 đã xuất hiện một tiểu đoàn địa phương tỉnh tiêu diệt gọn tiểu đoàn chủ lực cơ động chiến lược Ngụy và đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn khác”. (*)

Trận thắng Hành Thịnh 2 vang dội đã có sự đóng góp xứng đáng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh. Dân quân du kích xã đã phối hợp với tiểu đoàn 83 góp phần đánh bại kẻ địch. Có cán bộ lớn tuổi như ông Nguyễn Kiên cũng xung phong ra trận. Có những bà mẹ, người chị chạy dưới bom pháo địch, mang từng nắm cơm vắt ra chiến hào cho lực lượng ta, khiêng công thương binh về tuyến sau chăm sóc. Tiểu đoàn 83 luôn có duyên nợ với Hành Thịnh, cùng

(*) Trích *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh...* Sách đã dẫn.

quân và dân Hành Thịnh đánh bại nhiều cuộc càn quét khác của địch.

Trong chiến dịch mùa khô 1966-1967, Mỹ ồ ạt đưa quân nhảy dù vào miền Nam để đẩy mạnh chiến lược Chiến tranh Cục bộ bắt đầu từ năm 1965. Hành Thịnh lại tiếp tục trở thành trọng điểm của chiến lược đó. Với các đơn vị sừng sỏ của quân viễn chinh Mỹ và chư hầu như “Anh cả đỏ”, “Tia chớp nhiệt đới”, “Rồng xanh”, “Mãnh hổ”, sư đoàn Americal được sử dụng ở Hành Thịnh, kẻ địch đã đẩy cuộc chiến ở đây lên một tầm mức vô cùng ác liệt. Địch dùng chiến thuật trực thăng vận với đủ loại máy bay chiến đấu, ném bom và đổ quân như F4, F105, B57, HU1A, tàu rọ, cần đờn, cán gáo, đủ loại xe tăng và xe bọc sắt như M113, M48, M141 hỗ trợ cho bộ binh tích cực đánh phá. Bởi vậy, ở địa bàn nhỏ hẹp này, bom đạn dội xuống không ngớt, đến nỗi không một tấc đất nào không có mảnh bom đạn cày xới. Ráo riết thực hiện “Đốt sạch, giết sạch, phá sạch” và “Rung cây không cho chim đậu”, kẻ địch không từ một hành động dã man nào để chà đạp lên cuộc sống của nhân dân và tiêu diệt lực lượng cách mạng, trong đó có việc xúc tác những người chúng bắt gặp, chủ yếu là người già, phụ nữ, trẻ em, đưa đi khỏi vùng giải phóng.

Để thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân chống kẻ thù mạnh hơn, đông hơn và nhiều súng đạn hơn mình gấp bội, Hành Thịnh đã tăng cường hệ thống phòng thủ của mình, du kích sẵn sàng đánh trả kẻ địch từ bên ngoài càn vào thôn

xã. Hàng chục ngàn mét đường giao thông hào liên hoàn từ đầu xã đến cuối xã được đào vét, bao bọc chung quanh có làng chiến đấu được củng cố vững chắc, cũng theo một hệ thống liên thôn, liên xóm. Hàng triệu mũi chông tre và chông sắt dày đặc trong các hầm sâu, rào cản các đường đi. Du kích lúc ẩn lúc hiện kèm sát lưng địch, ném lựu đạn, bắn chặn đầu, gây cho chúng rối loạn đội hình, rơi vào hầm chông, các ổ phục kích - Trong khoảng gần 2 năm (1967-1969), du kích Hành Thịnh đã gây cho địch nhiều thương vong và buộc chúng phải khiếp sợ trước cuộc chiến tranh nhân dân.

Nhân dân bị Mỹ ngụy xúc tác, lừa vào khu đồn, dưới sự kiểm soát của chúng, song với bản chất cách mạng tốt đẹp của mình, và với tinh thần cách mạng “một tấc không đi, một li không rời”, nhiều người đã tìm cách đưa gia đình trở về quê cũ. Mặc dù dân số lúc này chỉ còn bằng khoảng 1/10 những năm trước (trước năm 1965 Hành Thịnh có khoảng trên 5.000 dân) và bom đạn lại nhiều gấp bội, số người trụ bám được vẫn không ngừng đảm bảo những yêu cầu phục vụ kháng chiến như đi dân công dài ngày, vận chuyển súng đạn để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công Tết Mậu thân 1968. Trong cuộc tổng công kích này, hàng trăm người dân Hành Thịnh được Đảng tổ chức còn kéo nhau đi biểu tình ở quận lỵ Nghĩa Hành, quận lỵ Mộ Đức. Bọn địch xả súng bắn vào đám người khiến một số người bị chết. Tuy vậy, khí thế đấu tranh của nhân dân đã khiến địch hoang mang. Binh lính địch có người

dao rã ngũ, bỏ súng chạy về vùng giải phóng với gia đình và cách mạng.

Năm 1968, sau cuộc tổng công kích của ta, nhân dân Hành Thịnh từ các khu đồn của địch kéo về quê hương đông hơn. Chi bộ xã và chính quyền cách mạng đã lãnh đạo nhân dân đẩy lên một phong trào sản xuất. Khí thế hồ hởi đã được khơi dậy trên đồng ruộng. Tiếng hát của thiếu niên nhi đồng vang lên trên thôn xóm và dưới những mái trường mái lá đơn sơ núp dưới bóng cây xanh. Thanh niên hăng hái tòng quân giết giặc. Các mẹ, các chị động viên con em mình vào bộ đội, trong đó có người chỉ có đứa con độc nhất, có người còn bị kẹt ở khu đồn. Sức mạnh của quân dân Hành Thịnh được củng cố để sẵn sàng đương đầu với những âm mưu và thủ đoạn mới của kẻ địch.

Thất bại trong chiến lược chiến tranh Cục bộ, kẻ địch lại một lần nữa thay đổi chiến lược. Đầu năm 1969, Ních-xơn trúng cử Tổng thống Mỹ, đề ra học thuyết Ních-xơn và thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. Nội dung của chiến lược này là dùng quân đội tay sai là chủ yếu có phối hợp với một lực lượng đáng kể quân Mỹ. Tính chất của nó là dùng người Việt trị người Việt, thay đổi màu da trên xác chết, rất thâm hiểm. Chiến tranh không hề nguôi đi mà càng leo thang đến mức nóng bỏng, ác liệt. Cùng nhiều vùng giải phóng khác, Hành Thịnh lại phải chịu đựng biết bao hy sinh mất mát không thể bù đắp được.

Bên cạnh việc tăng cường đô-la, súng đạn và huấn luyện quân Ngụy chuẩn bị thay thế trên chiến trường, kẻ địch vẫn tiếp tục càn quét bằng lực lượng viễn chinh Mỹ. Để đối phó hữu hiệu với chiến thuật du kích của ta, lính Mỹ áp dụng chiến thuật “Mỹ lếch”, “Mỹ bò”, “Mỹ cõng” dày xéo Hành Thịnh, cùng với quân Ngụy cố tiêu diệt lực lượng ta và gây vô vàn tội ác đối với nhân dân ta.

Dấn sâu thêm, tháng 8 năm 1970, kẻ địch thực hiện kế hoạch táo bạo lần chiếm Hành Thịnh để lấy Hành Thịnh làm bàn đạp lần chiếm các xã lân cận (Hành Phước, Hành Thiện, Hành Tín huyện Nghĩa Hành, Đức Hòa, Đức Hiệp, Đức Phú huyện Mộ Đức), đồng thời để kiểm soát, khống chế, chặn đứng đường hành lang chiến lược của ta ở Hành Thịnh, dọc trục đường giao thông trên bộ, trên sông. Địch đưa quân chiếm đóng Gò Rú, một ngọn đồi ở phía nam có thể khống chế toàn xã. Chúng đưa xe đến san bằng hàng ngàn ngôi mộ đã có từ nhiều đời ở đây để xây dựng lều trại, lô-cốt, rào vi kẽm gai dày đặc và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Có một trung đội lính Mỹ và một chi đội xe tăng thường xuyên trực chiến. Sau khi lập xong đồn, lính Mỹ bàn giao cho lính Ngụy. Một đại đội Địa-phương-quân thường xuyên đóng ở đây. Ban ngày bọn địch cho lính và xe tăng lùng sục đánh phá khắp nơi. Ban đêm, khi xe tăng và lính bộ binh đã rút vào đồn, thì máy bay trực thăng xuất hiện, rọi đèn pha rực sáng trên mặt sông Vệ và các nút giao thông trọng yếu trên bộ

như đèo Quán Thơm, Gò Thọ, Châu Me, hòng ngăn chặn mạng lưới giao thông liên lạc của lực lượng cách mạng. Bọn địch còn thường xuyên đặt máy thu tiếng báo động tín hiệu về trung tâm theo dõi hoạt động của ta để bắn pháo chặn đường. các loại máy bay ném bom, các loại pháo hạng nặng 155 ly, 175 ly, 255 ly từ hạm đội ngoài biển, từ các đồn bót thường xuyên trút xuống Hành Thịnh bom pháo, không kể ngày đêm. Tóm lại, kẻ địch đã sử dụng triệt để những phương tiện để có thể không chế, bóp chết phong trào cách mạng ở Hành Thịnh để thực hiện ý đồ của chúng.

Về phía mình, trong thời gian này, Hành Thịnh đã hàng trăm lần đấu tranh trực diện với địch, có trên 1.000 lượt người tham gia chăm sóc thương binh, chuyển thương binh lên tuyến trên và vùng căn cứ. Có nhiều gia đình, nhiều người dân tình nguyện nhận thương binh đem về nhà nuôi trong một, hai tháng trời, có lúc trong nhà có đến 2, 3 thương binh. Đặc biệt có mẹ, có chị đã nuôi thương binh hàng năm trời như một người ruột thịt của mình. Khi có địch cần đến, chị em lại dìu công thương binh đi che giấu.

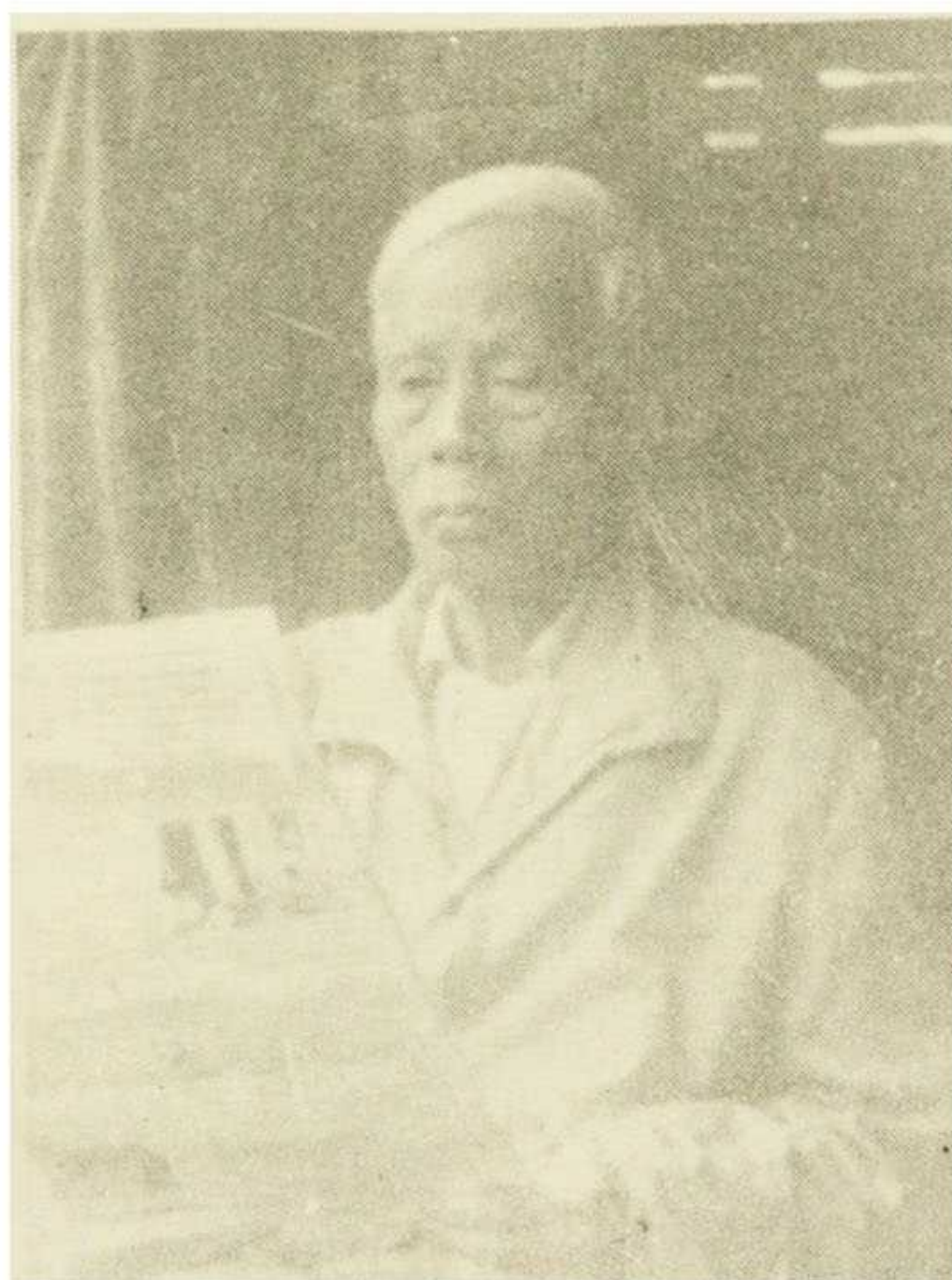
Thực hiện chủ trương của huyện, Hành Thịnh còn lập các Đội Công tác đưa đến các xã Hành Đức, Hành Phước giúp việc diệt ác phá kềm, xây dựng cơ sở cách mạng, hỗ trợ cho phong trào quần chúng nổi dậy của các xã bạn. Ngoài ra còn cử các cán bộ (như Trần Văn Tình...) đến làm nòng cốt cho các xã Hành Thuận, Hành Thiện. Hành Thịnh cũng là nơi

bổ sung nhiều cán bộ cốt cán cho huyện. Suốt năm 1969 đầu năm 1970 địch cho xe ủi cày ủi các xã láng giềng sát nách Hành Thịnh là Đức Hòa, Đức Hiệp, trực tiếp uy hiếp xã nhà. Song cùng với các địa phương khác như Tịnh Sơn, Tịnh Thọ, Tịnh Minh (huyện Sơn Tịnh), Sơn Thành (huyện Sơn Hà), quân dân Hành Thịnh vẫn bám giữ làng quê của mình, quyết đánh giặc giữ làng, dù khó khăn ác liệt đến đâu. Tháng 2/1970 tiểu đoàn 83 của Tỉnh lại cùng quân dân Hành Thịnh đánh địch càn quét, giữ vững vùng giải phóng. Dân quân du kích xã nhờ sự lãnh đạo sâu sát của Đảng và Chính quyền, sự đùm bọc, che chở và giúp đỡ hết lòng của nhân dân, đã ngày một lớn mạnh và đạt được nhiều thành tích chiến đấu lớn. Chỉ tính riêng trong thời gian đánh “Mỹ lếch”, “Mỹ nằm”, 6 tháng cuối năm 1970, bằng sự mưu trí dũng cảm của mình, dân quân du kích xã đã loại khỏi vòng chiến đấu 466 tên địch, phá hủy và phá hỏng 09 xe tăng, bắn bị thương 1 máy bay địch. (*) Đặc biệt có những lần Đội du kích đã nhử địch ném bom, bắn pháo để góp nhặt những quả lếp chế mìn tự tạo, tự học cách phóng pháo bay. Điều này đã nói lên tầm mức ác liệt của cuộc chiến tại Hành Thịnh, lòng quyết tâm chiến đấu và sự mưu trí, dũng cảm của Đội du kích. Với sự góp sức tìm nhặt nguyên vật liệu của nhân dân và thiếu niên, Đội du kích đã sản xuất được 900 quả mìn tự tạo trong 2 năm 1970-1971. Nhờ các vũ

(*) Theo ông Trần Bảo Phát

khí mới này Đội du kích xã đã uy hiếp tinh thần lính Mỹ, buộc chúng co cụm lên đỉnh Mu Rùa, rơi vào bẫy mìn của ta, bị chết và bị thương rất nhiều tên, trong năm 1971. Ngày 13.3.1970, đội du kích đã phóng pháo bay đánh thiệt hại nặng một đại đội quân Mỹ đang đóng quân tại đồng Ba Tư trong một cuộc càn quét của chúng, khiến chúng phải thu dọn chiến trường và rút đi.

Từ ngày 27.6.1971 đến ngày 27.7.1971, Du kích bằng vũ khí cải tiến và mìn tự tạo đã đẩy lui cuộc càn quét của một tiểu đoàn cộng hòa có 22 xe tăng yểm trợ. Ngày 28.6.1971, địch bắt đầu dùng xe tăng tiến vào xóm, đồng bào kéo ra chặn đầu không cho xe tăng địch chà đồng lúa, buộc địch phải đi đường gò, dẫm mìn, 2 xe tăng cháy. Địch co lại không dám tiến, dùng pháo binh giã vào trận địa ta suốt 3 ngày. Sáng ngày 2.7, địch lại tổ chức tấn công bằng xe tăng, nhưng mới tiến được 100 mét đã lại dẫm mìn cháy 3 chiếc, địch hoảng sợ rút lui, lại dẫm mìn cháy 1 chiếc nữa. Kết quả trong đợt này du kích đã đánh cháy 9 xe tăng, loại khỏi vòng chiến đấu 106 tên địch, buộc địch phải rút lui. Như đã nói, từ tháng 8.1970, quân đội Mỹ đã san ủi và làm đồn Gò Rú, sau đó chuyển giao cho quân Ngụy trú đóng, hòng cắt đứt đường dây liên lạc và tiêu diệt lực lượng ta, tiến tới bình định cả vùng. Đồn Gò Rú vẫn như một cái gai trước mắt, nên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh đã hạ quyết tâm bằng ba mũi giáp công bức rút bằng được kẻ địch. Về quân sự, dân quân



ÔNG HUỖNH KINH
 Bí thư Hành Tân 1948-1949
 Bí thư Hành Thịnh 1952-1953



ÔNG ĐÒ HỊCH
 Chủ tịch Hành Trung 1949-1950
 Chủ tịch Hành Thịnh 1950-1952



ÔNG NGUYỄN CHÍNH
 Bí thư Hành Thịnh 1965
 Chủ tịch Hành Thịnh 1965-1967



ÔNG TRẦN BẢO PHÁT
 Bí thư Hành Thịnh 1969-1971



ÔNG LÊ VIẾT XƯA
Bi thư Hành Thịnh 1974-1975
Chủ tịch H.T 1973, 1982-1983



BÀ NGUYỄN THỊ LỆ THUẦN
Bi thư Hành Thịnh 1975-1982



ÔNG LÊ VIẾT LÝ
Bi thư Hành Thịnh 1982-1992



ÔNG NGUYỄN CÔNG TỪ
Bi thư Hành Thịnh từ năm 1992

du kích xã thường xuyên bao vây uy hiếp đồn, bắn tỉa, gài mìn, không cho địch ra ngoài lấy nước uống, gây cho địch nhiều thương vong. Về chính trị và binh vận, lợi dụng việc địch san bằng mồ mả ông bà tổ tiên, quân dân Hành Thịnh đã có sáng kiến làm chiếc khám thờ, buộc địch cho phép đưa vào trong đồn cúng oan hồn để có cơ ra vào, hàng ngày cử người vào thấp nhang, tranh thủ kêu gọi binh sĩ địch rã ngũ, bỏ đồn. Trong thời gian này có hàng ngàn lượt người vào đồn đấu tranh đòi địch chấm dứt bắn pháo bừa bãi vào xóm để bà con yên ổn làm ăn, đòi địch rút đi. Cuộc giằng co giữa ta và địch khá căng thẳng, quyết liệt và kéo dài. Có lần bà con trong xã nhân ngày rằm kéo nhau vào đồn nấu chè xôi cúng quải, kéo dài thời gian tuyên truyền vận động binh lính địch. Trong năm 1972, quân dân Hành Thịnh ngày càng siết chặt vòng vây, vừa tiến hành khống chế đánh địch liên tục, vừa gọi hàng, vận động binh lính rã ngũ bỏ đồn, vận dụng linh hoạt phương châm ba mũi giáp công khiến địch ngày càng hoang mang giao động. Địch bỏ đồn lén lút đi trong đêm trời tối, sau khi đã ném mùi những quả phóng hơi cay 320 uy hiếp của ta. Cuộc bao vây và bức rút Gò Rú đã thành công, thực hiện tốt nghị quyết “Nổi dậy” của Tỉnh ủy, trong khi trong nước lực lượng ta mở chiến dịch xuân hè 1972 trên quy mô lớn và giành được nhiều thắng lợi, đánh dấu sự phá sản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch.

Bước sang năm 1973, tình hình trong nước có những chuyển biến quan trọng. Ngày 27.1.1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Đó là kết quả của sau 4 năm đấu tranh quyết liệt với địch trên trường chính trị và ngoại giao, kết hợp với chiến trường quân sự sấm sét, đặc biệt là chiến dịch xuân hè 1972 và đánh bại chiến dịch đánh phá miền Bắc của kẻ địch, tạo ra những chiến thắng vang dội ở cả hai miền Nam Bắc. Mỹ buộc phải rút quân viễn chinh về nước. Song bản chất hiếu chiến thâm căn cố đế của địch không phải vì vậy mà chấm dứt. Mỹ tăng cường ủng hộ và nuôi dưỡng quân Ngụy để thay thế quân Mỹ đảm đương trên chiến trường. Được thế, trong khi Hiệp định Paris ký chưa ráo mực, quân Ngụy đã tiến hành lấn đất, giành dân, càn quét vùng giải phóng, trắng trợn phá hoại Hiệp định. Trên thực tế, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch đang tiếp tục. Khắp ở miền Nam Việt Nam vẫn chưa có hòa bình.

Ở Hành Thịnh, trong 2 năm 1973 - 1974, quân Ngụy đã tiến hành 50 vụ càn quét lớn nhỏ. Có đến hàng chục lần xe tăng địch chà xát ruộng đồng, hoa màu, gây ra những tổn thất không kể xiết. Lúc đầu, giống như nhiều nơi khác, với ý định lấn đất giành dân, địch tổ chức các cuộc hành quân cầm cờ liên tục, hết đợt này đến đợt khác. Nhưng rút kinh nghiệm thất bại ở đồn Gò Rú, chúng không dám đứng lâu. Bị du kích bao vây, chúng lại rút đi. Biết không lấn chiếm bằng bộ binh

được, 4 căn cứ pháo binh xung quanh nhà đạn, máy bay ném bom hàng nghìn quả, làm chết và bị thương hàng trăm người, hàng trăm nhà trại của nhân dân bị đốt đi đốt lại nhiều lần. Hàng trăm tấn lương thực bị địch cướp hoặc đốt cháy.

Đến cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong chiến dịch đánh chiếm Đình Cương - một điểm cao lợi hại nằm trên xã Hành Phước - địch đã huy động một binh lực vô cùng lớn để giành thắng lợi ngay trước giờ giã chết của chúng. Hành Thịnh là mặt nam của Đình Cương, bởi vậy kẻ địch đã tập trung đánh phá khá quyết liệt. Địch tập trung hàng trung đoàn có pháo binh và xe tăng yểm trợ càn quét vào Hành Thịnh suốt gần hai tháng ròng. Hàng trăm khẩu pháo các cỡ bố trí dọc Quốc lộ I, dọc tuyến đường Cây Bứa - Chợ Chùa, ở các chi khu quân sự, các đồn, máy bay chiến đấu ngày đêm nã bom đạn vào Hành Thịnh cũng như các xã láng giềng, để yểm trợ cho cuộc càn quét. Đây là cuộc đánh phá vào loại lớn nhất, ác liệt nhất, dai dẳng nhất của địch nhằm vào Hành Thịnh. Mảnh đất nhỏ nhoi, bị hoang hóa vì bom đạn cày đi xới lại nhiều lần, lại trở thành một bãi chiến trường, ngày đêm mịt mù khói lửa. Quy mô và mức độ càn quét có tính chất hủy diệt hoàn toàn.

Song dù kẻ địch có nham hiểm, tàn bạo đến đâu cũng không khuất phục được nhân dân Hành Thịnh. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, Mặt trận và chính quyền cách mạng, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh vẫn

một lòng sắc son chung thủy, quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ những thành quả đã đạt được, giữ vững quê hương và phát triển lực lượng cách mạng.

Từ khi Hiệp định Paris được ký kết, lực lượng ta ở Hành Thịnh vẫn không ngừng lớn mạnh, đủ sức phục kích, bao vây, quấy phá, buộc địch phải rút chạy. Nhìn rộng ra, tương quan lực lượng lúc này đã khá thuận lợi cho ta, bất lợi cho địch. Trước đó, trong chiến dịch xuân-hè 1972, tiểu đoàn 83 được tăng cường một đại đội của tiểu đoàn 7 cùng lực lượng vũ trang huyện Mộ Đức đánh địch ở khu đồn Kiến Khương. Nhân dân Hành Thịnh và Đức Hiệp (Mộ Đức) bị lừa vào khu đồn Đức Chánh thoát kèm trở về quê cũ, tham gia kháng chiến. Tháng 8.1973, tiểu đoàn 7 của ta tập trung đánh địch ở khu vực xã Đức Hiệp, với hai cứ điểm núi Mồ Côi và ga Lam Điền, diệt 2 đại đội và cả ban chỉ huy tiểu đoàn 139 của địch, đẩy địch cách Hành Thịnh một quãng khá xa, xóa bỏ nguy cơ lấn chiếm Hành Thịnh bằng bộ binh. (*)

Lực lượng du kích vẫn tranh thủ thời cơ diệt địch, bố trí quả 105 ly đã cải tiến thành mìn ở cột cờ. Máy bay địch bay qua rút cờ, mìn nổ, máy bay tan xác.

Dưới hỏa lực của địch lúc đánh chiếm Đình Cương (cuối năm 1974), các cụ già, phụ nữ, trẻ em tạm thời được đưa đi

(*) Theo *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm ...* Sách đã dẫn

sơ tán lên Hành Tín, còn phần lớn nhân dân vẫn trụ bám đánh địch tại chỗ. Nhân dân che giấu cán bộ, bộ đội, tiếp tế lương thực, vận chuyển súng đạn, che giấu thương binh, khiêng chuyển lên tuyến trên, vận động góp gạo nếp, thịt, bánh, gà lợn, đưa đến tận trận tuyến Đình Cương ủy lạo bộ đội ta đang chiến đấu giành giật từng tấc đất với địch.

Dân quân du kích bố trí các bãi mìn, phục kích ngăn chặn đường tiến quân của địch, phối hợp với lực lượng chính quy đánh vào sườn, chặn đường tiếp tế lương thực, tiếp viện của địch, ngăn chặn việc phá cầu Mới, tiêu hao nhiều binh lính địch. Nhiều đội viên du kích hy sinh. Ông Trần Chạy (Năm Vẹn), một dân quân tự nguyện ở An Ba, bị thương nặng, phải đưa lên tuyến trên cứu chữa.

Chiến dịch đánh chiếm Đình Cương thất bại, địch rút về giữ tỉnh lỵ và các căn cứ quan trọng. Hành Thịnh vắng địch chưa được mấy ngày đã chuyển sang chuẩn bị lực lượng, góp phần giải phóng toàn tỉnh trong chiến dịch mùa xuân 1975.

Tóm lại, suốt gần 10 năm ròng rã, tính từ ngày xã nhà được giải phóng (1965) đến kết thúc chiến tranh (1975), Hành Thịnh đã phải đương đầu với nhiều kiểu đánh phá vô cùng ác liệt của địch. Tính mạng của người dân bị đe dọa từng giây, từng phút. Ruộng đồng phần lớn bị hoang hóa. Nhà cửa, làng xóm bị thiêu trụi hoàn toàn, nhân dân phải làm đi làm lại nhiều lần, chỉ còn những túp lều tranh nửa tạm che nắng. Trâu bò, heo gà gần như bị hủy diệt. Lúa gạo cũng bị địch

cướp bóc hoặc thiêu cháy, tổn thất đau thương do địch gây ra không kể xiết. Song dù kẻ địch nham hiểm, tàn bạo đến đâu vẫn không khuất phục được nhân dân Hành Thịnh.

Nhân dân Hành Thịnh đã toàn tâm, toàn ý với cách mạng, góp phần giữ vững quê hương và phát triển lực lượng cách mạng của mình. Với số dân hơn 5.000 người trước năm 1965, về sau, trong những thời gian ác liệt nhất, Hành Thịnh chỉ còn khoảng 10% số dân bám trụ được, nhưng chưa bao giờ bị trắng dân. Từ sau ngày giải phóng xã năm 1965, Hành Thịnh chỉ có vài ba đảng viên hợp thành một chi bộ, đến năm 1967 đã có 20 đảng viên và đến năm 1974 đã phát triển lên tới 40 đảng viên, thành lập Đảng bộ xã. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ rồi Đảng bộ xã, nhân dân Hành Thịnh đã cùng góp phần tạo nên những kỳ tích lớn lao. Từ phong trào cách mạng sôi nổi, kế tục lớp cha anh, ở Hành Thịnh đã xuất hiện nhiều tấm gương sáng về chiến đấu và hy sinh như:

Trong phong trào phụ nữ thì có bà Phú, bà Đính, bà Quảng, bà Ái, bà Quyến, bà Mỹ, bà Thị... là những hạt nhân trong phong trào phụ nữ của xã, tích cực công tác, không tiếc mồ hôi và xương máu. Bà Đinh Thị Nho (Xuân Đình) đã nuôi tiểu đoàn 95 của tỉnh và Đội du kích xã Hành Phước suốt 5 tháng, hiến mọi tài sản cho cách mạng, bị địch tra tấn đến chết. Bà Dụ Thường nuôi nấng cán bộ và du kích hết lòng, dẫn đầu nhóm phụ nữ đón đầu xe tăng địch, không cho chúng đâm lúa, buộc chúng phải đi đường khác. Có mẹ bình sĩ như

mẹ Phạm Thị Hường (thôn Xuân Ba) có 5 liệt sĩ (4 liệt sĩ thời chống Mỹ gồm có người chồng và 3 con của mẹ, đứa con thứ tư tiếp tục hy sinh ở biên giới tây nam), mẹ Huỳnh Thị Quới có 4 con là liệt sĩ. Mẹ Nguyễn Thị Lê (thôn Châu Me) bản thân và cả hai con trai đều là liệt sĩ. Nhiều người mẹ khác tuy hết mực thương con, cũng đã động viên con mình tham gia vào lực lượng vũ trang, bất chấp hy sinh gian khổ, đóng góp cho sự toàn thắng của cách mạng.

- Trong phong trào nông dân thì có ông Diễn, ông Thêu, ông Nhờ và nhiều người khác đã tiên phong đóng góp công sức cho cách mạng...

- Trong phong trào thiếu niên hồi đó có các em như Trịnh Quang Diêu (An Ba), Nguyễn Thuật (Xuân Đình)... trở thành những thiếu niên tiêu biểu. Đặc biệt Nguyễn Thuật dù chưa đủ tuổi nhưng đã xung phong vào du kích, lập nhiều chiến công và hy sinh anh dũng.

- Trong phong trào cán bộ và thanh niên thì có nhiều tấm gương sáng ngời về chiến đấu và hy sinh. Đó là Đỗ thị Nhiễm, người thôn Xuân Ba, đã cùng một tiểu đội chủ lực đánh bật lực lượng địch định tiến chiếm núi Rố, núi Nhà năm 1969. Đó là Nguyễn Tấn Bích (thôn Châu Me) bị địch cầm tù ở Côn Đảo hàng chục năm trời vẫn giữ tròn khí tiết. Đó cũng là các anh Phát, Khiêm, Xưa, Quang, Kỷ, Xí, Hải, Hậu, Phú, Gân, Dũng, Kê, các chị Thuyền, Mỹ Lệ... đã từng lăn lộn không

mệt mỏi với phong trào của xã và trong số họ nhiều người đã hy sinh anh dũng cho quê hương.

Cuộc đấu tranh nơi đầu sóng ngọn gió với địch quả đã thu hút mọi người dân thành một khối, mọi lứa tuổi thành một ý chí và hành động chung - tất cả hầu như đều có công sức đóng góp vào sự nghiệp vẻ vang của xã nhà, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân khiến kẻ địch dù quỷ quyết, tàn bạo đến đâu cũng phải chuốc lấy thất bại thảm hại. Ngay cả những người dân Hành Thịnh, do hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác, phải sống trong vùng tạm chiếm của địch, vẫn một lòng hướng về cách mạng và sẵn sàng đóng góp cho cuộc kháng chiến.

Gương chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh có nhiều đến nỗi ngay cả người trong cuộc cũng không nhớ hết. Có những bà mẹ dũng cảm ra đồng bứt lúa trước máy bay trực thăng địch quăng lượn trên đầu nhằm tạo thế hợp pháp với địch. Năm 1972, có những người mẹ ở Xuân Đình, Thuận Hòa tay không ra cản xe tăng địch, không cho chúng chạy giẫm lên lúa, buộc phải đi theo hướng khác.

Những con số thống kê sơ lược sau đây cho thấy những thành tích chung mà nhân dân Hành Thịnh đã đóng góp vào phong trào cách mạng của cả huyện, cả tỉnh và cả nước, trong 21 năm (chủ yếu là 10 năm 1965-1975) chống Mỹ cứu nước.

- Đã bắn rơi 4 máy bay địch.

- Tác chiến 258 trận lớn nhỏ, với những hình thức chiến thuật phong phú, linh hoạt như tập kích, phục kích, dùng mìn tự tạo các loại, pháo bay, pháo 320 cay...

- Đã tiêu diệt 1.067 tên địch, trong đó có 521 lính Mỹ, và làm bị thương 236 tên khác.
- Đã phá hủy 15 xe tăng, bức rút 2 chốt (Núi Ngang, Gò Rú).
- Đã tịch thu được 239 khẩu súng các loại, 1 khẩu ĐK 75 ly, 4 máy BRC 25, 6 khẩu đại liên, 19 máy thu tiếng động.
- Có 1.203 người thoát ly, đi bộ đội.
- Đã đóng góp 50.036 ngày công dân công tác thương, phục vụ chiến trường và những công việc khác.
- Nuôi 98 thương binh, bộ đội (từ 2 tháng đến hai năm).
- Đã đào vét 12.613 mét giao thông hào, rào 16.005 mét làng chiến đấu, đào 2.112 mét địa đạo, thu gom 2 tấn mảnh bom pháo và đạn cối các loại để làm mìn.
- Đã đóng góp 2.103 tấn lương thực, thực phẩm.
- Đấu tranh chính trị, binh vận lẻ tẻ và tập trung có 12.510 lượt người tham gia.
- Đã có 263 người hy sinh.
- Được tặng 7 huân chương và 6 huy chương Chiến công.

(*)

Chính nhờ những chiến công lớn lao nói trên mà Dân quân Du kích Hành Thịnh đã được Quốc hội nước CHXHCNVN phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ

(*) Theo *Báo cáo chiến tích* của xã từ năm 1978. Do hoàn cảnh cán bộ và nhân dân sống ở nhiều nơi, nên cho đến nay, chưa thống kê lại đầy đủ và chính xác hơn.

trang Nhân dân từ năm 1978, trong số 20 đơn vị và địa phương trong toàn tỉnh.

Sự hy sinh và chiến công của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh đều to lớn. Sau ngày giải phóng toàn tỉnh (24.3.1975) và toàn miền Nam (30.4.1975), những người dân còn sống sót sau chiến tranh mới tụ hội về vườn ruộng của mình, tìm lại dấu vết những căn nhà đã đổ nát từ rất lâu, những bờ ruộng, con mương đã bị cây cối, cỏ tranh lu lấp. Không còn một ngôi nhà cũ nào còn lại. Ruộng đồng hầu như đã hoang hóa hoàn toàn. Vườn tược trở thành rừng hoang. Phải bắt tay gầy dựng tất cả, từ đầu, với đôi bàn tay trắng và sức sản xuất đã bị hao mòn nhiều vì chiến tranh. Với đức tính cần cù và lòng nhiệt tình cách mạng của mình, nhân dân Hành Thịnh hết sức phấn khởi vì quê hương đã sạch bóng quân thù, không quản ngại gian lao bắt tay ngay vào việc khôi phục và phát triển sản xuất, không ngừng góp sức xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.

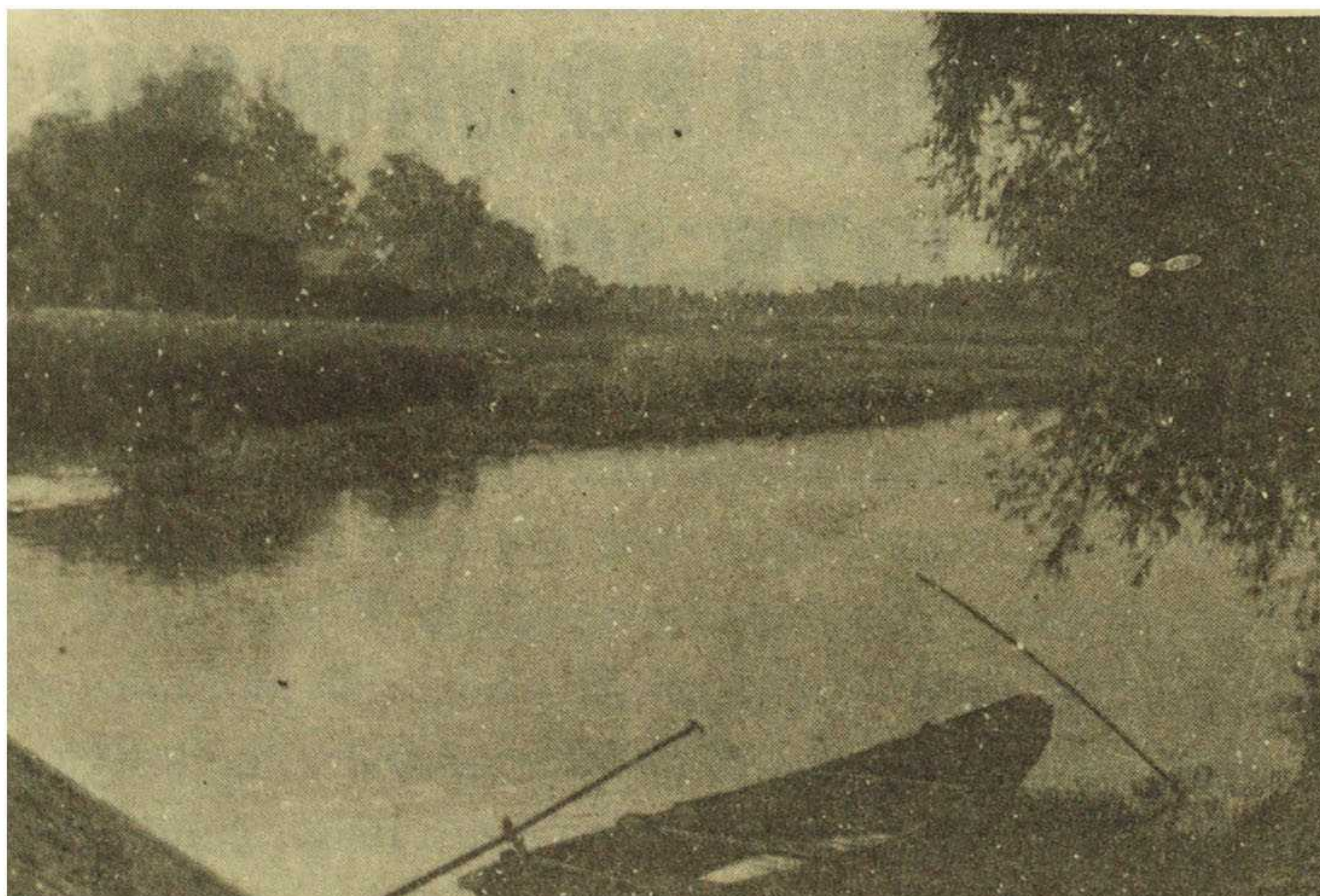
Có thể thấy, trong suốt chiều dài của lịch sử, giai đoạn 10 năm 1965-1975 là giai đoạn mà cán bộ chiến sĩ và nhân dân Hành Thịnh gặp phải những thử thách quyết liệt nhất, nhưng đồng thời cũng tạo được những chiến công vẻ vang nhất. Đây chính là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Hành Thịnh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hành Thịnh đã trở thành những kỷ niệm không thể nào quên đối với những người con ở các vùng đất khác đến đây để góp phần chiến đấu giải phóng quê hương.

PHẦN 2

HÀNH THỊNH 20 NĂM QUA
(1975-1995)



NÚI NHÀ - ĐỒNG BA GÒ



BẾN THÓC (từ Đức Hiệp nhìn sang Hành Thịnh)

Có thể nói, sau cuộc chiến kéo dài, kẻ địch chà đi xác lại không ngớt suốt 10 năm ròng rã khiến Hành Thịnh hoàn toàn xơ xác tiêu điều. Không còn một căn nhà nào trước kia còn nguyên vẹn. Đồng ruộng hầu hết bị hoang hóa. Nhiều khu vườn biến thành rừng rậm. Hình dạng của một làng quê gần như bị xóa sạch.

Sau giải phóng Nghĩa Hành và giải phóng Quảng Ngãi (24.3.1975), người dân Hành Thịnh phân tán trong chiến tranh, nhiều người bị kẹt lại trong vùng tạm chiếm của địch ừa về quê cũ, thỏa niềm ao ước bấy nay của mình. Cùng với số bà con bám trụ và cán bộ, đồng bào từng bước khắc phục các hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, dựng tạm lều trại, dẫm lên các bãi mìn còn chôn sâu trong lòng đất, bắt tay ngay vào việc khai hoang phục hóa, tạm ổn định cuộc sống. Có thể nói năm 1975 và một vài năm sau, Hành Thịnh phải tập trung vào công việc khôi phục lại bộ mặt của làng quê với những khó khăn chồng chất. Đạn, mìn lại nổ. Tổn thất về người, về súc vật lại tiếp tục diễn ra ngay trong cuộc sống hòa bình. Công cụ sản xuất quá thô sơ và rất thiếu thốn. Người dân phải ăn đói, mặc rách trong khai hoang, phục hóa. Song dưới sự lãnh đạo, dìu dắt tận tình của Đảng bộ, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể trong xã, nhân dân Hành Thịnh đã chung lưng đấu cật, quyết tâm xây dựng lại quê hương. Chính quyền cách mạng chia lại ruộng đất cho nông dân, khiến ai cũng có ruộng cày cấy, bảo đảm cuộc sống no đủ, bởi vậy đã động viên được tinh thần hăng hái tăng gia sản xuất của nhân dân, góp phần xây dựng đất nước. Sau đó, các hợp tác xã nông nghiệp Hành Thịnh 1 và Hành Thịnh 2

- mang tên 2 chiến thắng của xã nhà - được hình thành. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được xác lập. Bên cạnh cây lúa, nhân dân trong xã còn khôi phục lại các cây trồng truyền thống như mía, bắp, lang, mì, cây dâu tằm..., nuôi gia súc, nuôi gia cầm như bò, trâu, heo, gà... Bên cạnh nông nghiệp, nhân dân còn làm thêm các nghề thủ công như gạch ngói, nấu đường, than củi, mộc, chặt đá ong... Trong hoàn cảnh hàng hóa thiếu thốn sau chiến tranh, các HTX mua bán được thành lập nhằm đảm bảo các mặt hàng thiết yếu cho sinh hoạt của nhân dân. Công tác chăm sóc, khám và chữa bệnh được chú trọng, đặc biệt đối với các đối tượng chính sách, người già, người neo đơn, tàn tật v.v... Trường học được xây dựng để đảm bảo cho con em trong xã đủ chỗ học tập. Phong trào văn nghệ quần chúng, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật được xúc tiến thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa mới văn minh, lành mạnh của nhân dân. Tất nhiên, cơ chế quản lý cũ trong các hợp tác xã nông nghiệp tuy có những mặt mạnh của nó (như động viên nhanh nông dân làm thủy lợi, trồng rừng, lao động công ích, đảm bảo phúc lợi xã hội và học tập v.v...) đã dần dần bộc lộ chỗ yếu kém là: không thúc đẩy được năng suất, sản lượng, không động viên được bản thân người nông dân tăng gia sản xuất. Bởi vậy khi có chủ trương thực hiện khoán trong nông nghiệp, nông dân Hành Thịnh như được tiếp thêm một nguồn lực mới, dần dần nâng cao mức sống của mình và góp phần xây dựng quê hương. Dưới ánh sáng "Đổi mới" của Đảng, dưới tinh thần Nghị quyết 14 của Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi, Nghị quyết 16 của Huyện Đảng bộ Nghĩa Hành và Nghị

quyết 18 của Đại hội Đảng bộ xã, nhìn lại 20 năm sau chiến tranh phấn đấu xây dựng của toàn thể cán bộ và nhân dân xã nhà, có thể thấy những thành tựu nổi bật sau đây:

1. Về xây dựng và phát triển kinh tế:

Thành công nổi bật trên lĩnh vực kinh tế ở Hành Thịnh trong 20 năm qua là, mặc dù gặp thiên tai, mất mùa, song luôn đảm bảo lương thực cho toàn dân để không ai bị đói rét. Thành công này có nhiều nguyên nhân và nhờ sự tác động phối hợp của nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quan trọng hàng đầu là công tác thủy lợi. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sau năm 1975, đi liền với khai hoang phục hóa, công tác thủy lợi đã được đẩy mạnh. Năm 1977, trạm bơm Nam Sông Vệ được xây dựng, Hành Thịnh góp phần không nhỏ trong việc đào đắp cũng như di tu, bảo dưỡng hệ thống thủy lợi này, được hưởng nguồn nước của trạm bơm đem lại. Sau Nam Sông Vệ, Hành Thịnh đã xây dựng các trạm bơm Cầu Mới tiêu 25 ha đồng thời tưới cho 50 ha khác, trạm bơm Vườn Mít tưới cho trên 20 ha, trạm bơm Đồng Thóc tưới cho trên 10 ha, trạm bơm Đồng Đan tiêu cho 10 ha đồng thời tưới cho 10 ha khác, trạm bơm Hòa Huân tưới cho trên 40 ha. 90% diện tích canh tác của toàn xã được đảm bảo tưới tiêu nước, có thể nói là đã “Thủy lợi hóa”. Nhiều vùng đất trước kia 1 vụ chuyển sang 2, 3 vụ, mở rộng thêm diện tích canh tác, tăng năng suất. Sản lượng lương thực trong các năm 93, 94 đều đạt trên 3.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt trên 400 kg. Các công trình thủy lợi còn góp phần cải tạo môi sinh môi trường và tăng diện tích, năng suất và sản lượng các cây trồng khác.

Thực hiện 5 chương trình kinh tế, việc trồng mía của Hành Thịnh cũng thường xuyên được chú ý với khoảng 60 ha (1993) - Chương trình trồng dâu nuôi tằm là ngành nghề truyền thống được duy trì với khoảng 25 ha, thu hoạch từ 5.000 đến 6.000 kg kén mỗi năm. Chương trình trồng rừng chủ yếu là rừng đào, rừng bạch đàn với 70 ha.

Do khả năng tài chính và sức sản xuất có hạn, diện tích đất rừng còn đến 665 ha chưa phát huy hiệu quả. Hành Thịnh quyết tâm phủ xanh đất trống đồi trọc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Hành lần thứ 16. Hành Thịnh cũng đã áp dụng kỹ thuật mới, giống mới, bước đầu chuyển định cơ cấu mùa vụ, vật nuôi, cây trồng, thực hiện mô hình kinh tế VAC, nuôi cá lồng trên sông Vệ đạt được nhiều thành tích bước đầu nổi bật. Nhiều hộ gia đình đã trở nên khá giả hơn trước; thực hiện xây dựng kinh tế mới, giảm dân, đưa 260 hộ gia đình vào xây dựng thôn xóm ở vùng ven núi của xã. Đời sống bà con nhờ vậy đã được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, người dân Hành Thịnh đã phát triển các ngành nghề khác như xay xát, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất gạch ngói, đá ong, đá chẻ, chế biến gỗ... Đặc biệt trong xây dựng cơ bản có mặt đã đạt được những thành tích nổi bật.

Trong xây dựng cơ bản, bên cạnh các công trình thủy lợi chính kể trên, Hành Thịnh còn tiến hành nạo vét kênh mương, xây dựng các đập, máng, phục vụ sản xuất, xây dựng trường học đủ để đón con em đến học hành, kể cả điểm kinh tế mới, xây dựng nhà tình nghĩa, sửa chữa giao thông, trong đó có việc góp phần xây dựng cầu Bến Thóc, xây cầu Mới, cầu

Hộ Khiêm. Chỉ tính trong các năm 1992 đến 1994, tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản đã đến gần 600.000.000 đồng, trong đó hơn một nửa là từ ngân sách của địa phương.

Đặc biệt trong xây dựng cơ sở hạ tầng, *nét nổi bật trong 20 năm qua là việc kéo mạng lưới điện về phục vụ sản xuất và sinh hoạt*. Về sản xuất, điện bảo đảm phục vụ vận hành các trạm bơm. Về sinh hoạt, điện phủ khắp xã - chỉ còn thôn Châu Me chưa kéo được điện - với 80% số dân được sử dụng điện. Nhờ có điện, đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân Hành Thịnh được nâng lên rõ rệt.

2. Về văn hóa xã hội:

Từ một tình trạng xơ xác tiêu điều do chiến tranh của Mỹ gây ra, sau 1975, Hành Thịnh đã tập trung rất lớn cho công tác giáo dục, đáp ứng lòng khao khát cháy bỏng của nhân dân là được học hành. Sau 1975, trường tiểu học dần dần hoàn chỉnh và một số năm sau đó, trường cấp II cũng hình thành và hoàn chỉnh. Con em Hành Thịnh có thể học tại địa phương mình từ lớp 1 đến hết lớp 9 mà không phải lội sông suối, trèo đèo, nên tỷ lệ đến lớp, đến trường vẫn giữ được mức cao. Trong năm học 1994 - 1995, về cấp I có trên 1000 học sinh chia thành 36 lớp với 36 thầy cô giảng dạy, cấp II có gần 600 em học sinh hợp thành 14 lớp với 29 thầy cô giáo. Sự đảm bảo điều kiện số trường, lớp lớn như vậy là một cố gắng vượt bậc của Hành Thịnh - trong điều kiện kinh tế còn nghèo. Về các sinh hoạt văn hóa, nếu như những năm sau giải phóng, văn nghệ quần chúng, tự biên tự diễn và chiếu phim chiếm phần chủ đạo, thì về sau, đặc biệt từ thời gian có điện sinh hoạt, các phương tiện nghe nhìn như radiô

cassette, video cassette, karaoke... dần dần phổ biến và chiếm ưu thế, phục vụ đắc lực nhu cầu nâng cao dân trí và giải trí. Các phong trào thể dục thể thao được duy trì thường xuyên ở các trường học, Đoàn Thanh niên, dân quân tự vệ xã... và đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ. Song song với chăm lo đời sống tinh thần, công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh tật, khám và chữa bệnh, công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình cũng được chú ý đúng mức. Xã có trạm y tế xã thường xuyên điều trị, khám chữa bệnh cho nhân dân các bệnh thông thường, thực hiện đủ các đợt tiêm chủng mở rộng. Ban vận động DS-KHHGD được thành lập để vận động nhân dân hạn chế sinh đẻ, làm chậm tốc độ phát triển dân số, phục vụ quốc kế dân sinh. Là một địa phương có đối tượng chính sách rất cao (396 hộ dân chính, 256 hộ liệt sĩ, 221 thương binh trên 8.500 dân), Hành Thịnh hết sức chăm lo đến công tác xã hội, phong trào đền ơn đáp nghĩa bằng việc bảo đảm thực hiện đúng và đủ các chế độ chính sách, xây dựng các nhà tình nghĩa, hỗ trợ các nhu yếu phẩm và công cụ sản xuất v.v... Trong đó nổi bật có 5 ngôi nhà tình nghĩa được xây dựng với tổng số tiền 15.000.000 đồng.

Các mặt an ninh trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc phòng thường xuyên được quan tâm; vừa dùng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, vừa thực hiện áp chế; để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm nhân dân yên tâm tham gia sản xuất, đời sống tinh thần thoải mái, vui tươi. Đặc biệt, năm nào Hành Thịnh cũng hoàn thành xuất sắc công tác nghĩa vụ quân sự của mình.

Có được những kết quả như trên là nhờ sự hỗ trợ không nhỏ - về mọi mặt - của Đảng, Chính quyền và các đoàn thể cấp trên, song quyết định nhất vẫn là sự tự vươn lên của cán bộ và nhân dân địa phương. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh với một Đảng bộ có tổng số gần 130 đảng viên làm nòng cốt cho phong trào. Công tác xây dựng, củng cố nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành của chính quyền ngày một nâng cao, vai trò của Mặt trận, của các đoàn thể ngày càng nổi bật để tập hợp, động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao mức sống của mình và tham gia xây dựng đất nước.

Ngoảnh nhìn lại 20 năm, Hành Thịnh đã có một bước tiến dài về kinh ~~tế xã~~ hội mà dưới chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa mới có ~~thể~~ có được.

Đó là kết quả của nỗ lực vượt bậc của cán bộ và nhân dân trong xã. Tuy nhiên trong sự phát triển rõ rệt của nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống vẫn còn nhiều tồn tại, cũng rất dễ thấy. Đó là giao thông chưa được củng cố và phát triển đúng với nhu cầu. Việc chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng chưa mạnh. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ còn nhỏ bé, manh mún, chưa phát triển mạnh; nhiều người đến tuổi trưởng thành vẫn chưa có việc làm. Đời sống của nhân dân nhìn chung chưa được nâng cao, tỉ lệ hộ nghèo, thiếu đói vẫn còn lớn (35%). Cơ sở hạ tầng vẫn còn rất thấp kém, nhất là giao thông, trường ốc. Học sinh giỏi chưa chiếm tỉ lệ cao trong các trường, chưa phát huy được truyền thống hiếu học rất đậm nét của các thế hệ trước. Mặt bằng dân trí tuy đã được nâng lên, song việc tiếp thu khoa học kỹ thuật, óc

tìm tòi sáng tạo trong bản thân người nông dân còn rất hạn chế v.v...

Những tồn tại nói trên đều có nhiều nguyên nhân khách và chủ quan của nó. Về mặt khách quan. Hành Thịnh bị chiến tranh tàn phá quá nặng nề, cơ sở hạ tầng vốn rất thấp kém, lại xa đường giao thông chính, nên khó lòng tạo những bước chuyển mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Sự hỗ trợ của cấp trên tuy nhiều nhưng so với nhu cầu của vùng kháng chiến cũ còn rất hạn chế, nhất là đối với những công trình lớn như giao thông. Về mặt chủ quan, cán bộ xã tuy có thừa nhiệt tình, song năng lực không đều, việc chuyển đổi theo cơ chế mới còn chậm, đảm đương công việc chưa đồng bộ, chưa thật linh hoạt và năng động...

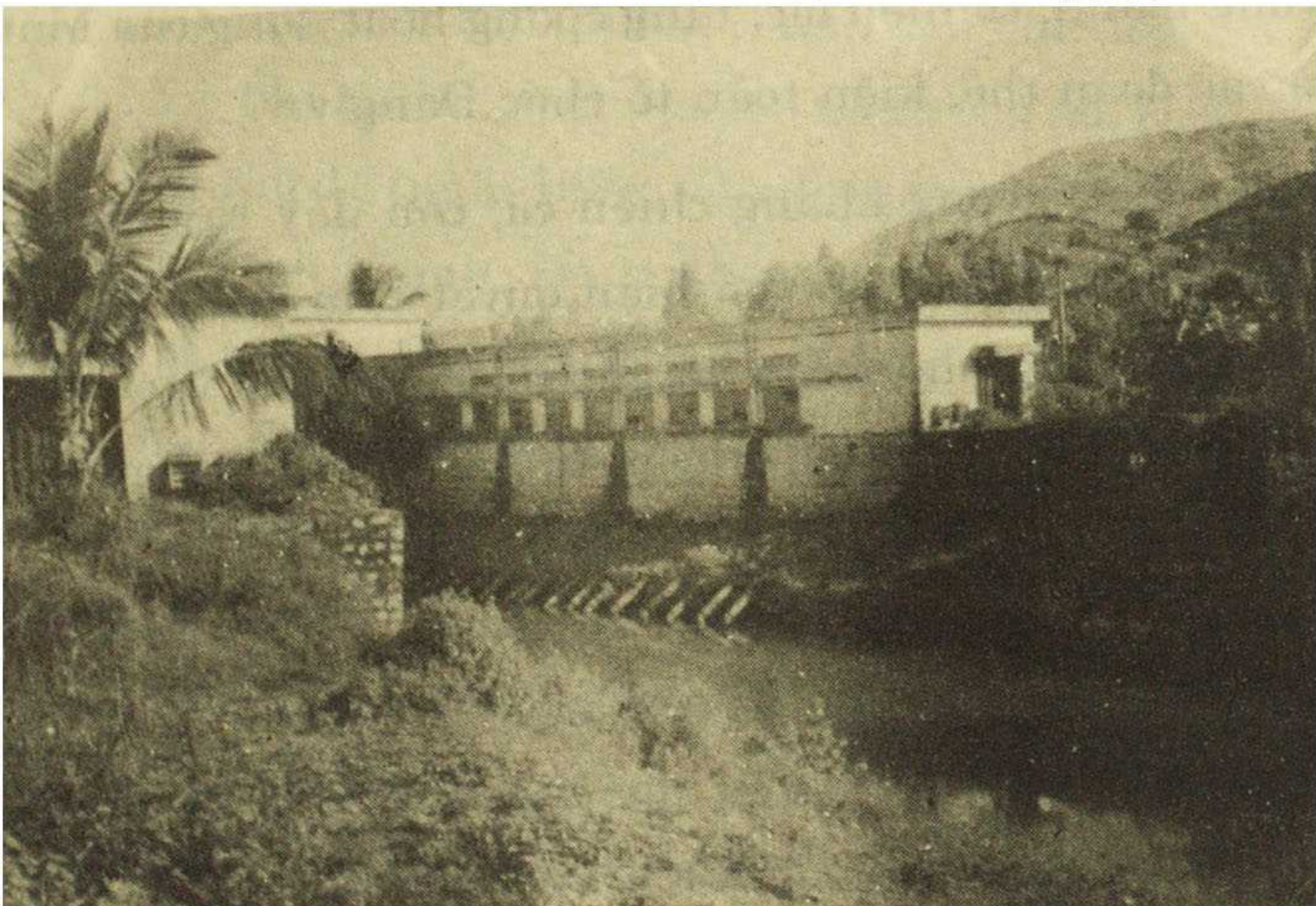
Nhận thức sâu sắc những thành tựu đạt được và những khó khăn, tồn tại cùng các nguyên nhân của nó, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ 18 (năm 1994) đã xác định phương hướng phấn đấu của Hành Thịnh. Đó là tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, đẩy mạnh 5 chương trình kinh tế, về lương thực phấn đấu nâng diện tích canh tác, bảo đảm bình quân lương thực đầu người trên dưới 400 kg, đồng thời nghiên cứu chuyển đổi mùa vụ, giống, tăng năng suất cây trồng, thâm canh... đẩy mạnh chương trình chăn nuôi gia súc, gia cầm, chú trọng giống mới (như ếch, ba ba, dê, cá lồng...), duy trì và thâm canh vùng dâu tằm, phấn đấu mỗi năm đạt 8.000 đến 10.000 kg kén. Đẩy mạnh thêm chương trình trồng mía. Về chương trình trồng rừng, trồng thêm đào, bạch đàn, phấn đấu

đến năm 2000 phủ xanh đất trống đồi trọc, khai thác và bảo vệ rừng chặt chẽ. Phấn đấu đa dạng hóa ngành nghề (gạch ngói, chăn nuôi, chế biến nông lâm sản, dịch vụ, chế biến mắm, thức ăn gia súc....). Về xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp tục tranh thủ mọi nguồn vốn làm thủy lợi, làm đường, xây dựng trường học, nâng cao chất lượng giáo dục, giúp đỡ học sinh nghèo và bảo trợ cho học sinh giỏi, khuyến khích mọi hình thức tăng cường công ăn việc làm, bảo đảm chế độ cho các đối tượng chính sách, nâng cao mức sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Hạn chế tỷ lệ sinh đẻ, tăng cường chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng tốt an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tiếp tục xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, tăng cường hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, kiện toàn tổ chức Đảng v.v...

Là một địa phương kháng chiến cũ, còn đầy rẫy những khó khăn, Hành Thịnh đã thể hiện quyết tâm vươn lên để nâng cao mức sống nhân dân và góp phần đặc lực vào công cuộc xây dựng đất nước, như truyền thống vốn có của mình.



NUÔI CÁ LỒNG
TRÊN SÔNG VÊ



TRẠM BƠM NAM SÔNG VÊ

PHỤ LỤC

DANH SÁCH BÍ THƯ, CHỦ TỊCH XÃ QUA CÁC THỜI KỲ

BÍ THƯ

1. HUỖNH BÁ (thôn Đồng Xuân), BT năm 1946 (đối với Hành Tân)
2. NGUYỄN THƯỜNG (thôn Mỹ Hưng) BT 1947 (đối với Hành Tân)
3. HUỖNH BÁ (Đồng Xuân) BT nửa năm 1947 (đối với Hành Tân)
4. HUỖNH KÍNH (thôn Ba Bình) BT 1948-1949 (đối với Hành Tân)
5. TRẦN QUANG TOẢN (An Ba) BT từ 1946 (đối với Hành Trung)
6. TRẦN VĂN THẬN (An Ba) BT 1948-nửa 1949 (đối với Hành Trung)
7. LÊ QUANG CHÂU (Xuân Ba) BT cuối 1949 (đối với Hành Trung)
8. TRẦN QUANG TOẢN (An Ba) BT cuối 1949-1950 (Đ/v Hành Thịnh)
9. HUỖNH DƯỢC (thôn Thuận Hòa), BT 1950-1951
10. HUỖNH KÍNH (thôn Đồng Xuân) BT 1952-1953
11. CAO BÁI (thôn Ba Bình) BT 1954
12. TRẦN QUANG NHÂM (huyện Đức Phổ) BT nửa đầu 1965
13. NGUYỄN CHÍNH (thôn Mỹ Hưng) BT nửa cuối 1965

14. VÕ NGHĨA (thôn Mỹ Hưng) BT 1966-1967
15. LÂM VŨ BẢO (xã Hành Thiện) BT 1968
16. LÊ KÍCH (thôn An Ba) BT 1968 - nửa đầu 1969
17. PHẠM NGUYỄN (thôn Xuân Đình) BT nửa cuối 1969
18. TRẦN BẢO PHÁT (thôn An Ba) BT 12/1969 - cuối 1971
19. TRẦN VĂN KHIÊM (thôn Châu Me) BT 1972-1974
20. LÊ VIẾT XÚA (thôn Mỹ Hưng) BT 1974-1975
21. NGUYỄN THỊ LỆ THUYỀN (thôn Mỹ Hưng) BT 1975-1982
22. TRỊNH QUANG TOÀN (thôn An Ba) BT 1983-1986
23. NGUYỄN TẤN TÁM (thôn Xuân Ba) BT 1987-1988
24. LÊ VIẾT LÝ (thôn Mỹ Hưng) BT 1989-1/1992
25. NGUYỄN CÔNG TỬ (thôn Mỹ Hưng) BT 2/1992 đến nay.

CHỦ TỊCH

1. HUỖNH BÁ (BC) (Đồng Xuân), CT.-1945 (đối với Hành Tân)
2. TÙNG GIANG (thôn Xuân Đình), CT.-1946 (đối với Hành Tân)
(Tức HUỖNH QUANG BÁ)
3. HUỖNH KỶ (Đồng Xuân), CT. 1947-1950 (đối với Hành Tân)
4. TRẦN QUÁN (thôn An Ba), CT. lâm thời 1945 (đối với Hành Trung)
5. HUỖNH LIỄM (thôn An Ba), CT. 1946 (đối với Hành Trung)
6. TRẦN ĐỨC DUNG (thôn An Ba), CT. 1947 (đối với Hành Trung)
7. TRẦN HẬU (thôn Xuân Ba), CT. cuối 1947-1948

8. ĐỖ HỊCH (thôn Xuân Ba), CT. 1949-1950
10. ĐỖ HỊCH (thôn Xuân Ba) CT.1950-1952 (đối với Hành Thịnh)
11. NGUYỄN MẬU TÔNG (Xuân Đình), CT.1952-1954 (?)
11. LÊ HÙNG (thôn Châu Me) CT. 1965
12. NGUYỄN CHÍNH (thôn Mỹ Hưng) CT. 6/1965 - cuối 1967
13. HUỖNH CHÚC (thôn Xuân Đình) CT.1967-nửa đầu 1968
(HUỖNH HỮU)
14. LÊ KÍCH (thôn An Ba) CT. nửa cuối 1968
15. NGUYỄN VĂN TUẤN (thôn Ba Bình) CT. 1969-1970
16. NGUYỄN KIẾN (thôn Ba Bình) CT. 1971-1972
17. LÊ VIẾT XỬA (thôn Mỹ Hưng) CT. 1973
18. NGUYỄN KIẾN (thôn Ba Bình) CT. 1974
19. CAO TẤN (thôn Thuận Hòa) CT.1975
20. HUỖNH KỶ (thôn Đồng Xuân) CT. 1976-1977
21. HUỖNH ĐỨC KHÁNG (thôn Xuân Đình) CT. 1978-1981
22. LÊ VIẾT XỬA (thôn Mỹ Hưng) CT. 1982-1983
23. LÊ HOÀNG (thôn Ba Bình) CT. nửa cuối 1983
24. TRẦN TRĂNG (thôn Xuân Ba) CT. 1984-1987
25. ĐINH TẤN HIẾU (thôn Ba Bình) CT. 1988-1993
26. HUỖNH BÚT (thôn Mỹ Hưng) CT. 1994 đến nay



THỐNG KÊ VỀ THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG (*)

THƯƠNG BINH

Tổng số: 221 người, trong đó:

- Loại 1: 2 người
- Loại 2: 51 người
- Loại 3: 121 người
- Loại 4: 47 người

LIỆT SĨ

- Tổng số 347 người, trong đó có:
 - 24 liệt sĩ trong kháng chiến chống Pháp
 - 312 liệt sĩ trong kháng chiến chống Mỹ.
 - 11 liệt sĩ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (sau 1975),
- Liệt sĩ tại các chiến trường: trên 200 người.

GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Chiếm đa số, trong đó được hưởng trợ cấp: 30 gia đình

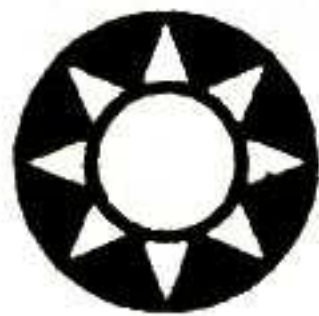
(*) Vì danh sách quá dài, chúng tôi chỉ nêu con số thống kê ,
mà không in cụ thể danh tánh .

DANH SÁCH CÁC BÀ MẸ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU “BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG”

(đợt đầu tiên)

1. Mẹ NGUYỄN THỊ HOÀNG, thôn Xuân Đình, cả 2 con là liệt sĩ.
2. Mẹ NGUYỄN THỊ CHÂU, thôn Xuân Ba, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
3. Mẹ VÕ THỊ THỤY, thôn Xuân Đình, có 3 con là liệt sĩ.
4. Mẹ HUỖNH THỊ QUỖI, thôn Xuân Đình, có 4 con là liệt sĩ
(đã được phong tặng)
5. Mẹ VÕ THỊ PHƯỚC, thôn Ba Bình, có 3 con là liệt sĩ.
6. Mẹ LÊ THỊ LẬP, thôn Xuân Đình, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
7. Mẹ HUỖNH THỊ TRUNG, thôn Đồng Xuân, cả 2 con là liệt sĩ
(đã được phong tặng)
8. Mẹ ĐINH THỊ CHỮ, thôn Xuân Ba, có 3 con là liệt sĩ
9. Mẹ TRẦN THỊ HOA, thôn Xuân Ba, có 3 con là liệt sĩ.
10. Mẹ PHẠM THỊ NIÊN, thôn Xuân Đình, có 3 con là liệt sĩ.
11. Mẹ THỜI THỊ ĐẠO, thôn Xuân Đình, cả 2 con là liệt sĩ.

12. Mẹ PHẠM THỊ HƯỜNG , thôn Xuân Ba, có 4 con và chồng
là liệt sĩ (đã được phong tặng)
13. Mẹ NGUYỄN THỊ TRÚC, thôn Mỹ Hưng, có 1 con duy nhất là
liệt sĩ.
14. Mẹ NGUYỄN THỊ CẦN, thôn An Ba, có 2 con và bản thân là
liệt sĩ.
15. Mẹ ĐINH THỊ THUỘC, thôn Xuân Ba, có 2 con và bản thân
là liệt sĩ.
16. Mẹ NGUYỄN THỊ NĂM, thôn Xuân Ba, có 1 con, chồng và
bản thân là liệt sĩ (đã được phong tặng)
17. Mẹ NGUYỄN THỊ QUẢNG, thôn Mỹ Hưng, có 2 con và
bản thân là liệt sĩ (đã được phong tặng)
18. Mẹ HUỖNH THỊ TOÀN, thôn An Ba, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
19. Mẹ TĂNG THỊ TÌNH, thôn An Ba, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
20. Mẹ TRẦN THỊ SÔ, thôn Xuân Đình, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
21. Mẹ NGUYỄN THỊ ĐOÁ, thôn An Ba, có 1 con duy nhất là liệt sĩ.
22. Mẹ NGUYỄN THỊ LÊ, thôn An Ba, có 2 con và bản thân là liệt sĩ



DANH SÁCH CÁC SĨ QUAN QĐNDVN & CANDVN XUẤT THÂN TỪ HÀNH THỊNH

(Qua các thời kỳ - Thống kê chưa đầy đủ)

CẤP TÁ

1. TRẦN ĐỨC TỪ, thôn An Ba, đại tá.
2. NGUYỄN CÔNG TÚ, thôn Mỹ Hưng, đại tá.
3. NGUYỄN MẬU HOA, thôn Xuân Đình, đại tá.
4. TRẦN KIM TRÂN, thôn An Ba, đại tá
5. NGUYỄN BÍCH, thôn Xuân Đình, đại tá
6. LÊ VIẾT DIỆN, Mỹ Hưng, đại tá
7. HUỖNH KỶ, thôn An Ba, thượng tá
8. LÊ VĂN TÚ, thôn Đồng Xuân, trung tá.
9. LÊ BÂNG (TƯỜNG), thôn Ba Bình, trung tá.
10. ĐỖ CỬU, thôn Xuân Ba, trung tá.
11. CAO THANH, thôn Xuân Ba, trung tá
12. TRẦN VĂN PHA, thôn An Ba, trung tá
13. HUỖNH KHÔI, thôn Ba Bình, trung tá
14. HUỖNH THỦY, thôn Mỹ Hưng, trung tá.
15. HUỖNH ẨMH, thôn Ba Bình, thiếu tá.
16. TRẦN XUÂN TRỊ, thôn Xuân Ba, thiếu tá.
17. HUỖNH QUANG NGÃNH, thôn Xuân Đình, thiếu tá.
18. NGUYỄN NGỌC QUẾ, thôn Ba Bình, thiếu tá
19. NGUYỄN DUY KHÁNG, thôn Mỹ Hưng (quê gốc tỉnh Thái Bình),
thiếu tá.
20. NGUYỄN CHÍNH, thôn Mỹ Hưng, thiếu tá.
21. LÊ VĂN, thôn Châu Me, thiếu tá
22. LÊ ĐÔNG, thôn Xuân Đình, thiếu tá.
23. NGUYỄN ĐĂNG HUY, thôn Đồng Xuân, thiếu tá.
24. LÊ VĂN PHỒ, thôn Châu Me, thiếu tá.
25. NGUYỄN MẬU QUẾ, thôn An Ba, thiếu tá.
26. BÙI SÁU, thôn An Ba, thiếu tá
27. LÊ CHIẾN, thôn Ba Bình, thiếu tá.

CẤP ÚY

1. HUỖNH DƯỢC, thôn Thuận Hòa, đại úy.
2. NGUYỄN HẢI ĐOÀN, thôn Thuận Hòa, đại úy
3. LÊ VĂN NHẢY, thôn Ba Bình, đại úy.
4. ĐỖ THỦY, thôn Xuân Ba, đại úy
5. TRẦN TUẤN, thôn Xuân Đình, đại úy
6. TRƯƠNG VĂN HÀNG, thôn Xuân Đình, đại úy
7. TRẦN HỮU ĐỒNG, thôn Mỹ Hưng, đại úy
8. LÊ VIỆT BỒN, thôn Mỹ Hưng, đại úy
9. NGUYỄN MEO, thôn Mỹ Hưng, đại đội trưởng
10. TRẦN ĐỨC TRẦN, thôn An Ba, thượng úy
11. CAO HÙNG, thôn Xuân Ba, thượng úy
12. ĐỖ THANH THẢO, thôn Xuân Ba, thượng úy (?)
13. NGUYỄN TĂNG HÒ, thôn Xuân Đình, thượng úy
14. LÊ KHUÊ, thôn Mỹ Hưng, thượng úy
15. PHẠM DUNG, thôn Mỹ Hưng, thượng úy
16. LÊ HOÀNG, thôn Ba Bình, trung úy
17. NGUYỄN MẬU MẠNH, thôn An Ba, trung úy
18. NGUYỄN VĂN NGỌT, thôn Xuân Đình, trung úy
19. NGUYỄN VĂN MINH, thôn Ba Bình, trung úy
20. HUỖNH HƯƠNG, thôn Châu Me, trung úy
21. LÊ MÔN, thôn Châu Me, trung úy
22. NGUYỄN TẤN HUÂN, thôn Xuân Ba, trung úy (?)
23. NGUYỄN THINH, thôn An Ba, trung úy
24. PHẠM MINH, thôn Mỹ Hưng, trung úy
25. VÕ ĐƯỜNG, thôn Mỹ Hưng, thiếu úy
26. NGUYỄN TẤN HIỀN, thôn Xuân Đình, trung úy.
27. ĐÀO PHÁT, thôn Xuân Đình, trung úy
28. TRẦN TRANG, thôn Xuân Đình, trung úy
29. HUỖNH THÔNG, thôn Châu Me, thiếu úy
30. LÊ VĂN CÔNG, thôn Mỹ Hưng, thiếu úy.

DANH SÁCH CÁC HÀM CHỨC VÀ HỌC VỊ

(thống kê chưa đầy đủ)

I. HÀM CHỨC (TỪ CHỦ TỊCH HUYỆN HOẶC PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TRỞ LÊN)

1. Gs. TRẦN NGHĨA, thôn Xuân Ba, Viện trưởng Viện Hán Nôm.
2. PHẠM NGỌC NÃI, thôn Xuân Đình, Vụ phó, UBKH Nhà nước.
3. LÊ TẤN TRINH, thôn Đồng Xuân, Vụ phó, UBKT Hải sản.
4. TRẦN THỜI, thôn Đồng Xuân, Vụ phó Vụ lễ tân.
5. TRẦN VĂN THẬN, thôn An Ba, Hiệu phó ĐHSP Qui Nhơn.
6. PTS. NGUYỄN MẬU VY, thôn Ba Bình, chủ nhiệm khoa toán,
ĐHSP Qui Nhơn
7. NGUYỄN VĂN GIAI, thôn Xuân Đình, chủ nhiệm khoa văn,
ĐHSP Qui Nhơn.
8. NGUYỄN TRUNG, thôn Mỹ Hưng, Giám đốc TM-VN.
9. TRẦN VĂN NÔ, thôn An Ba, Hiệu trưởng THLN-TW4
10. TRẦN VĂN VÀNG, thôn An Ba, Giám đốc Sở Nông nghiệp
Hà Nội
11. NGUYỄN SÁU, thôn Mỹ Hưng, trưởng Ban tuyên huấn Tỉnh ủy
Nghệ An
12. TRỊNH QUANG HẠO, thôn An Ba, Phó văn phòng Tỉnh ủy,
Quảng Ngãi.

13. TRẦN QUANG ÁNH, thôn An Ba, Phó giám đốc Sở thủy lợi
Quảng Ngãi
14. TRẦN BẢO PHÁT, thôn An Ba, Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành.
15. NGUYỄN TẤN KIỂM, (thôn?), Chủ tịch UBND huyện An Khê.

II. HỌC VI (TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC TRỞ LÊN xếp theo thứ tự ABC...)

1. Tiến sĩ: ĐỖ CÔNG KHANH (XD)
2. Phó tiến sĩ: TRẦN CHƯỜNG (ĐX), HUỖNH MINH (ĐX),
NGUYỄN MẬU VY (BB).
3. Tốt nghiệp Đại học: [Bác sĩ (BS) Kỹ sư (KS) Cử nhân (CN) Kiến trúc sư (KTS) các ngành - ghi chú theo thôn: Thuận Hòa, (TH) Hoà Huân (HH), Xuân Đình (XD), Ba Bình (BB), Đồng Xuân (ĐX), Mỹ Hưng (MH), An Ba (AB), Xuân Ba (XB), Châu Me (CM)]:
Ks. TRẦN QUANG ÁNH, (AB), Ks. NGUYỄN TẤN BA (TH), Ks. TRẦN KIM BA (AB), Ks. LÊ QUANG BÁU (AB), Ks. NGUYỄN BÍCH (ĐX), Ks. HUỖNH CHẾ (ĐX), Cn. CAO CHỨ (AB) (*), Ks. LÊ CHỮ (BB), Ks. NGUYỄN CHƯỜNG (MH), Bs. TRỊNH QUANG ĐIỀU (AB), Cn. TRẦN ĐẠI (ĐX), Ks. LÊ ĐÁNG (MH), Bs. NGUYỄN THỊ ĐÀO (BB), Ks. HUỖNH ĐẮC ĐẠT (AB), Ks. TRẦN THỊ KIM ĐÍNH (AB), Bs. HUỖNH ĐỨC GIỚI (AB), Ks. TRỊNH QUANG HẠO (AB), Ks. ĐỖ HOÀNH (XD), Cn. HUỖNH HOA (XD), Bs. TRẦN THỊ HOA (XB), Cn. CAO HỐI (AB), Ks. HUỖNH HỒNG (XD), Cn. NGUYỄN TẤN HUYỄN (AB), Cn. NGUYỄN NGỌC HƯNG (*) (MH), Bs. LÊ VIỆT KHÁNG (MH), Ks. ĐỖ KỶ (XB), Ks. ĐỖ QUỐC KHÁNH (XB), Ks. NGUYỄN KHÁNG (MH), Kts. CAO TẤN KHOAN (XD), Ks. NGUYỄN LẠI (MH),

Ks. NGUYỄN MINH LUÂN (XD), Cn. LÊ LAI (MH), Bs. NGUYỄN TẤN LỘC (XB), Cn. NGUYỄN MẬU LÃY (AB), Cn. LÊ THỊ KIM LIÊN (AB), Cn. LÊ XUÂN LÍT⁶(AB), Cn. NGUYỄN LUYẾN (BB), Ks. VÕ MINH (XD), Cn. LÊ MẠNH (MH), Ks. TRẦN KIM MỸ (AB), Ks. NGUYỄN THỊ NGÂN (XD), Ks. LÊ VĂN NGHIÊM (AB), Ks. NGUYỄN TẤN NHỤY (AB), Ks. TRẦN VĂN NÚC (*) (AB), Bs. NGUYỄN PHỔ (XD), Cn. ĐỖ LAM PHU (XB), Ks. HUỖNH QUẤT (XD), Ks. PHAN SỬU (BB), Cn. HUỖNH QUANG SƠN (XD), Cn. CAO VĂN SUNG (XD), Ks. NGUYỄN TÁM (XD), Ks. HUỖNH TÀU (XD), Ks. LÊ THẮNG (XD), Ks. NGUYỄN TẤN THÊU (XB), Cn. TRẦN ĐỨC THƠ (AB), Ks. CAO THIỆP (AB), Cn. HUỖNH ĐỨC TÂM (AB), Ks. HUỖNH THỊ THỐNG (DX), Cn. TRẦN ĐÌNH TRỌNG (*) (AB), Bs. TRẦN ĐỨC TỬ (AB), Ks. HUỖNH TÙNG (AB), Ks. TRẦN VĂN VÀNG (AB) (**)



(*) Những người có học lực loại ưu và tốt nghiệp hạng thủ khoa ở các trường đại học.

(**) Tổng số hiện có là 63 người. Do con em đi xa, không nắm được hết danh sách. Ước đoán từ đại học trở lên có thể trên dưới 100 người. Tỷ lệ trung bình là 85 người/1 đại học.

MỤC LỤC

PHẦN I - HÀNH THỊNH MÃNH ĐẤT KIÊN CƯỜNG (1930-1975)

I. Đất và người Hành Thịnh	7
II. Hành Thịnh trong giai đoạn lịch sử 1930-1945	17
III. Hành Thịnh trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954)	28
IV. Hành Thịnh trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)	
1. Hành Thịnh trong thời kỳ đấu tranh giải phóng xã nhà (1954-1965)	46
2. Hành Thịnh trong thời kỳ chống tái chiếm, giữ vững tự do và phát triển lực lượng cách mạng (1965-1975)	56

PHẦN II- HÀNH THỊNH 20 NĂM QUA (1975-1995) 79

PHỤ LỤC

- Danh sách Bí thư, Chủ tịch xã qua các thời kỳ	91
- Thống kê về thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng	94
- Danh sách các bà mẹ được đề nghị phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	95
- Danh sách các sĩ quan QĐNDVN và CANDVN xuất thân từ Hành Thịnh	97
- Danh sách các hàm chức và học vị...	99

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ĐẢNG ỦY XÃ HÀNH THỊNH

Biên tập, thực hiện:
CAO CHƯ

IN 1.000 CUỐN KHỔ 13x19 TẠI XÍ NGHIỆP IN QUẢNG NGÃI. GIẤY PHÉP
XUẤT BẢN SỐ 28/XBNT DO SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI CẤP
NGÀY 12-4-1995. IN XONG VÀ NỘP LƯU CHIẾU THÁNG 5-1995.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000113